

Số: 20/BC.DCL

Vĩnh Long, ngày 15 tháng 04 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Kính gửi: Quý cổ đông, khách hàng và đối tác



I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1500202535 cấp lần đầu ngày 09/11/2004, cấp thay đổi lần thứ 26 ngày 20/12/2024.
- Vốn điều lệ: 730.410.300.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 950.769.163.743 đồng
- Địa chỉ: số 150 đường 14 tháng 9, Phường 5, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long
- Số điện thoại: 02703 822533
- Số fax/Fax: 02703 822129
- Website: <http://dcl.com.vn>
- Mã cổ phiếu : DCL
- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay):
 - Lịch sử hình thành:
 - Năm 1976: Hai tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh được sáp nhập thành tỉnh Cửu Long, Xí nghiệp Dược phẩm Cửu Long và Công ty Dược phẩm Cửu Long ra đời nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất, phân phối dược phẩm, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.
 - Tháng 04/1984: Xí nghiệp Dược Phẩm Cửu Long và Công ty Dược phẩm Cửu Long sáp nhập thành Xí Nghiệp Liên hiệp Dược Cửu Long. Xí nghiệp có nhiệm vụ chính là sản xuất, lưu thông phân phối thuốc, chế biến thuốc và xuất nhập khẩu các mặt hàng dược phẩm.
 - Năm 1992: Tỉnh Cửu Long được chia tách thành hai tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh. Xí Nghiệp Liên hiệp Dược phẩm Cửu Long cũng được tách thành Công ty Dược Trà Vinh và Công ty Dược Cửu Long. Tháng 11 năm 1992, Công ty Dược Cửu Long đổi tên thành Công ty Dược và Vật tư y tế Cửu Long.
 - Tháng 09/2004: Công ty thực hiện việc chuyển đổi loại hình từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần theo chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp của Chính phủ.
 - Ngày 09/11/2004: Công ty với tên gọi mới là Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long (DCL). Vốn điều lệ ban đầu là 56 tỷ đồng.
 - Những cột mốc phát triển:
 - Năm 1997: Công ty liên doanh với Hàn Quốc thành lập nhà máy sản xuất dụng cụ y tế Việt Nam - Hàn Quốc (gọi tắt là Vikimco), với công nghệ sản xuất thế hệ mới của Hàn Quốc. Hiện nay là Nhà máy sản xuất dụng cụ y tế trực thuộc DCL.
 - Năm 2000: liên doanh với đối tác Canada xây dựng nhà máy Vicancap, áp dụng công nghệ tiên tiến trong việc sản xuất Capsule (viên nang rỗng) các loại. Hiện nay là Nhà máy sản xuất Capsule trực thuộc DCL.
 - Ngày 17/09/2008: Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là DCL.
 - Từ năm 2015, Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T trở thành Công ty mẹ của Dược Cửu Long.



- Năm 2016-2017, DCL góp vốn thành lập Công ty cổ phần Thiết bị y tế Benovas, Công ty cổ phần dược phẩm Benovas, Công ty cổ phần thuốc ung thư Benovas.
- Công trình xây dựng mới Nhà máy sản xuất Capsule 3 đưa vào hoạt động từ tháng 8/2018, nâng công suất sản xuất viên nang rỗng tăng hơn 30%. Tiếp tục trên đà phát triển, năm 2020 Công ty đầu tư mở rộng giai đoạn 4 nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường, tăng thị phần nang trên cả nước. Năm 2024, Công ty đầu tư mở rộng thêm nhà máy giai đoạn 5 với mức vốn đầu tư 232,5 tỷ đồng gồm 4 dây chuyền sản xuất Capsule và các thiết bị lựa nang tự động đồng bộ đi kèm -> Tăng tổng công suất của nhà máy thành 11,6 tỷ nang/năm. Dự án đã chính thức được Cục quản lý Dược chấp thuận đủ điều kiện đưa vào hoạt động tháng 11/2024.
- Năm 2024 đưa vào hoạt động dự án xây mới “Kho dược phẩm và Toà nhà RD” với tổng vốn đầu tư là 85 tỷ đồng, tạo ra khu làm việc mới và hiện đại cho khối Quản lý chất lượng cũng như chiến lược nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới của Công ty.
- Ngoài ra trong năm 2024 DCL cũng đã đạt được Giấy chứng nhận FDA đối với sản phẩm Vỏ nang gelatin cứng rỗng sản xuất tại Nhà máy Capsule và đang từng bước thực hiện nâng cấp Nhà máy Nonbetalactam đạt tiêu chuẩn EU-GMP (*dự kiến sẽ hoàn thành trong năm 2025*) để tăng cường mở rộng thị trường xuất khẩu, tăng thêm lợi nhuận cho Công ty.
- Năm 2024 khởi động thực hiện dự án Nhà máy sản xuất Dược phẩm theo tiêu chuẩn EU - GMP tại Long An. Dự án có tổng diện tích đất là 50.000 m², tổng vốn đầu tư 1.396 tỷ đồng.
- Vào tháng 03/2025 hoàn thành và đưa vào sử dụng “Nhà máy sản xuất Thiết bị Y tế Benovas” thuộc Công ty cổ phần Thiết bị y tế Benovas nhằm đa dạng dòng sản phẩm trang thiết bị y tế mới đáp ứng nhu cầu chữa bệnh trong nước và xuất khẩu.
- Định hướng hợp tác với đối tác nước ngoài cho dự án “Sản xuất và kinh doanh thực phẩm chức năng”.

- Các sự kiện khác: Không có.

2. ***Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:***

- Ngành nghề kinh doanh: (Các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh: Dược phẩm, Capsule các loại, dụng cụ y tế các loại.

Hiện 02 ngành hàng dược phẩm và capsule chiếm trên 10% tổng doanh thu.

- Địa bàn kinh doanh: (Các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

Hiện công ty có 02 khu vực là Hà Nội và TP.HCM chiếm tỷ trọng cao trên tổng doanh thu.

3. ***Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý***

- Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.
- Cơ cấu bộ máy quản lý:
Sơ đồ tổ chức Công ty:

[illegible]

- Các công ty con, công ty liên kết

			ĐVT: đồng		
Công ty con	Trụ sở chính		Tỷ lệ sở hữu	Hoạt động chính	Vốn góp
1 Cty LD SXKD XNK Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế	Lào	Số 11, đường Lanexang, bản Hatsady, quận Chanthabory, Lào	51,00%	Giới thiệu thuốc	1.007.810.725
3 Cty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn	Tỉnh Vĩnh Long	Số 150, đường 14/9, Phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	100,00%	Kinh doanh dược và dụng cụ y tế	163.000.000.000
4 Cty CP Dược phẩm Benovas	TP HCM	Số 276 Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	99,98%	Kinh doanh dược phẩm, capsule các loại	79.980.000.000
5 Cty CP Thiết bị Y tế Benovas	Tỉnh Vĩnh Long	Số 68D Tổ 05 Ấp Thanh Mỹ 1, Xã Thanh Đức, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long	84,20%	Sản xuất kinh doanh dụng cụ, trang thiết bị y tế	102.750.000.000
6 Cty CP Thuốc Ung Thư Benovas	Hà Nội	Tầng 5, tòa nhà HACCI Complex tại lô 2.6, Ngõ đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội	55,00%	Sản xuất và kinh doanh ngành dược	55.000.000.000

4. Định hướng phát triển

Với TÂM NHÌN và SỨ MỆNH từ Công ty mẹ - Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T,

Tầm nhìn: "TẬP ĐOÀN THỊNH VƯỢNG, ĐA NGÀNH VỚI CÁC SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ KHÁC BIỆT, ĐẲNG CẤP, DẪN ĐẦU, MANG LẠI CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG TỐT ĐẸP HƠN. NƠI HỘI TU NHÂN TÀI. ĐƯỢC XÃ HỘI TÔN VINH"

Sứ mệnh: "NÂNG TẦM CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG BẰNG SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ VƯỢT TRỘI"

Và TÂM NHÌN - SỨ MỆNH của Dược Cửu Long.

Tâm nhìn: "LÀ CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ CAO NHẤT BỞI BỆNH NHÂN, ĐỐI TÁC VÀ NHÂN VIÊN THÔNG QUA NHỮNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ SÁNG TẠO, ĐỀ TIẾP CẬN VÀ CHĂM SÓC TỐT NHẤT"

Sứ mệnh: "KẾT NỐI VÀ CẢI THIỆN CUỘC SỐNG CỦA CỘNG ĐỒNG THÔNG QUA NHỮNG GIẢI PHÁP SỨC KHỎE TỐI ƯU"

- Dược Cửu Long thiết lập các mục tiêu chủ yếu:
 - Vào năm 2027, Dược Cửu Long là công ty hàng đầu sở hữu các nhà máy sản xuất đạt chuẩn EU-GMP/CE/FDA. Hoàn thiện danh mục sản phẩm để đạt 50% các sản phẩm sản xuất dẫn đầu thị trường. Doanh thu dự kiến đạt 3.200 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đạt 512 tỷ đồng.
 - Tối ưu hoá hoạt động của các nhà máy để giảm chi phí sản xuất; Công suất khai thác các nhà máy, dây chuyền sản xuất trên 90%.
 - Môi trường làm việc chuyên nghiệp, tinh gọn.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:
 - Đầu tư các nhà máy sản xuất đạt chuẩn EU-GMP/CE/FDA.
 - Đẩy mạnh kinh doanh xuất khẩu dược phẩm, dụng cụ y tế, viên nang rỗng sang thị trường Châu Á, châu Âu.
 - Phát triển sản phẩm mới, sản phẩm thử tương đương sinh học.
 - Tập trung xây dựng nhóm hàng chiến lược có doanh số lớn và lợi nhuận cao.
 - Tăng cường các biện pháp quản trị rủi ro về chuỗi cung ứng, tài chính, kinh doanh.
 - Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đào tạo đội ngũ kế thừa.
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:
 - Hệ thống quản lý chất lượng Công ty phù hợp theo yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 9001:2015 & ISO 13485:2016 (dành cho thiết bị y tế); Nhà máy dược phẩm và nhà máy Capsule được chứng nhận đáp ứng các yêu cầu về thực hành tốt sản xuất (GMP), thực hành tốt phòng thí nghiệm (GLP) và thực hành tốt bảo quản (GSP) đối với cơ sở sản xuất thuốc và nguyên liệu làm thuốc; Kho dược phẩm được chứng nhận đáp ứng các yêu cầu về thực hành tốt phân phối thuốc (GDP) và thực hành tốt bảo quản thuốc (GSP) về xuất khẩu và nhập khẩu thuốc & nguyên liệu làm thuốc; Kho Capsule được chứng nhận đáp ứng các yêu cầu về thực hành tốt phân phối nguyên liệu làm thuốc (GDP).
Công ty đang tiến hành nâng cấp lên EU-GMP cho nhà máy Nonbetalactam -Dược Phẩm về thực hành tốt sản xuất thuốc.
 - Tự động hoá các công đoạn sản xuất tại các nhà máy; Áp dụng quy trình Kazen, PDCA vào quá trình sản xuất..
 - Thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, với các giải pháp cải thiện môi trường thông qua báo cáo đánh giá tác động môi trường. Quản lý chặt chẽ hoạt động hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo nước thải đầu ra đạt quy chuẩn về môi trường.
 - Hưởng ứng và tham gia đầy đủ các chính sách xã hội do cơ quan ban ngành tại địa phương phát động, tích cực hưởng ứng các chương trình vì cộng đồng trong tỉnh Vĩnh Long và các tỉnh lân cận.

5. Các rủi ro:

Rủi ro	Ảnh hưởng	Quản trị
Rủi ro kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Tình trạng sản xuất và phân phối thuốc giả: ảnh hưởng đến hệ thống kinh doanh, hình ảnh, thương hiệu của Công ty, và mất thời gian cho việc chứng minh không phải hàng do Công ty sản xuất - Việc quản lý giá thuốc hiện nay dẫn đến việc Công ty gặp khó khăn trong việc điều chỉnh giá bán khi giá nguyên liệu đầu vào biến động. - Khi phát sinh việc sửa đổi Thông tư quản lý ngành dược và các quy định khác từ cơ quan quản lý ảnh hưởng đến công tác đấu thầu thuốc 	<ul style="list-style-type: none"> - Công ty trang bị tem chống hàng giả QR code trên bao bì sản phẩm, kiểm soát chặt chẽ hàng do Công ty sản xuất và xuất bán. Có chiến lược bảo vệ thương hiệu DCL. - Đối với kênh ETC, tập trung vào những dòng sản phẩm khác biệt, sản phẩm ít cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu sử dụng thuốc chuyên khoa đặc trị cao. Đồng thời nỗ lực hợp tác với đối tác, phối hợp với các chi nhánh tại mỗi khu vực tham gia đấu thầu hiệu quả. Tăng cường phát triển các sản phẩm nhập khẩu, dòng đặc trị chuyên biệt như ung thư, tiểu đường, thần kinh, nhóm hàng hợp

	- Việc cấp giấy phép lưu hành cho các sản phẩm mới còn chậm, làm ảnh hưởng đến kế hoạch phát triển sản phẩm	tác kinh doanh...Điều này giúp nâng cao sức cạnh tranh của ETC trong đấu thầu. Cập nhật và thích ứng nhanh những thay đổi theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Tập trung xây dựng danh mục và đẩy mạnh kinh doanh nhóm hàng chiến lược, có doanh thu lớn, lợi nhuận gộp cao và thương mại hóa các sản phẩm đã số đăng ký nhưng chưa được kinh doanh.
Rủi ro từ chuỗi cung ứng	Sản xuất phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu nên chịu ảnh hưởng từ yếu tố bên ngoài như biến động tỷ giá, lãi suất vay, nguồn cung cấp, nguồn đăng ký...	Kiểm soát nguồn nguyên liệu đầu vào thông qua việc tìm kiếm, đa dạng nhà cung cấp nước ngoài với giá cạnh tranh nhất, đạt tiêu chuẩn, ổn định nguồn cung, đúng nguồn đã đăng ký với Cục quản lý Dược.
Rủi ro về tài chính	- Các khoản phải thu: Khách hàng không có khả năng thanh toán, không thanh toán đúng hạn, công ty phải trích lập dự phòng nợ phải thu. - Rủi ro tỷ giá, lãi suất vay từ các ngân hàng thương mại	- Xây dựng hạn mức nợ cụ thể đối với từng nhóm khách hàng, thẩm định khách hàng theo quy trình. Đối chiếu, đề nghị thanh toán để thu hồi nợ đúng hạn, hạn chế thấp nhất nợ khó đòi, nợ quá hạn. - Đàm phán và giao dịch với các ngân hàng thương mại với tỷ giá và lãi suất ưu đãi, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh lâu dài.
Rủi ro về môi trường	Các loại chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại nếu không được quản lý chặt chẽ sẽ rò rỉ ra môi trường làm môi trường xung quanh bị ô nhiễm	Có biện pháp quản lý hệ thống nhà chứa tối ưu nhất để nếu có xảy ra sự cố sẽ thu gom và xử lý được triệt để.
	Các thiết bị dùng trong các hệ thống xử lý chất thải nếu gặp sự cố làm hư hỏng nguy cơ các hệ thống xử lý chất thải này dừng hoạt động.	Có phương án thay thế các thiết bị cần thiết nếu gặp sự cố bất ngờ bằng cách đầu tư song song 2 thiết bị, 1 thiết bị vận hành và 1 thiết bị dự phòng cho các công đoạn xử lý chất thải.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

– Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024:

1.1. Kết quả sản xuất:

ĐVT: Triệu sản phẩm

Nhóm hàng	Thực hiện năm 2024	So với kế hoạch năm 2024		So với năm 2023	
		Kế hoạch	% hoàn thành kế hoạch	Thực hiện năm 2023	% tăng/giảm
Dược phẩm	594.27	785.34	75.67%	731.51	-18.76%
Capsule	6,078.25	7,000.00	86.83%	5,678.96	7.03%
Dụng cụ y tế	69.79	66.10	102.83%	71.26	-4.61%

⚡ Nhà máy sản xuất dược phẩm:

- Năm 2024 nhà máy sản xuất dược phẩm xây dựng kế hoạch với mục tiêu thách thức:
 - + Khởi động “Dự án nâng cấp Nhà máy Non-betalactam tại Vĩnh Long đạt tiêu chuẩn EU-GMP”.
 - + Cải tiến liên tục, đào tạo nâng cao năng lực và đa nhiệm góp phần làm tăng năng suất lao động.
 - + Giảm chi phí sản xuất, năm 2024 chi phí tiêu hao nguyên liệu bình quân < 1%; chi phí tiêu hao bao bì các loại giảm và đạt mức bình quân 0,5 %.

- Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất của nhà máy sản xuất Dược phẩm năm 2024 đạt 75.67% so với kế hoạch:
+ Tập trung vào các sản phẩm có doanh số và biên lợi nhuận cao như nhóm thuốc đặc trị và thuốc kháng sinh thế hệ mới Cefpodoxim, Cefadroxil, Cefixim, Cefuroxim
+ Thực hiện chính sách kinh doanh auto-sales cho nhóm sản phẩm thông thường có giá trị thấp và sản lượng sản xuất cao.

➤ **Nhà máy sản xuất Capsule:**

- Sản phẩm nang của nhà máy Capsule là nguyên liệu đầu vào của các công ty sản xuất dược phẩm, nên trong năm 2024 nhà máy có bị ảnh hưởng bởi sự sụt giảm chung của ngành dược dẫn đến mức độ hoàn thành OGSM của nhà máy chỉ ở mức 86.83%.
- Tuy nhiên, được sự chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc và sự hỗ trợ tích cực của bộ phận Sale trong việc mang về các đơn hàng mới - khai thác thị phần từ đối thủ cạnh tranh, sản lượng các tháng cuối năm đã lấy lại đà tăng trưởng. Với sự nỗ lực của toàn thể CB.CNV nhà máy, đã làm ra nhiều mẫu mã màu mới, chất lượng phù hợp với yêu cầu khắc khe của các khách hàng mới.
- Từ cuối tháng 11-2024 nhà máy chính thức đưa vào khai thác Capsule 5 với các dây chuyền sản xuất nang hiện đại được sản xuất tại Romania bởi nhà cung cấp truyền thống, có tên tuổi - thương hiệu lớn trên thế giới Technophar. Với sản lượng hơn 240 triệu nang/tháng, mở rộng Capsule giai đoạn 5 đã góp phần cùng Capsule 1,2,3 và 4 tạo nên tổng sản lượng 11,6 tỷ nang/ năm cho nhà máy Capsule, mở ra cơ hội mở rộng thị phần, tăng doanh thu, tăng khả năng cạnh tranh, thu hút khách hàng từ đối thủ cạnh tranh. Sau hơn 6 tháng thực hiện chiến lược kinh doanh của Sale, sản phẩm nang của Capsule đã gia tăng thị phần, thay thế sản phẩm của đối thủ cạnh tranh.

➤ **Nhà máy sản xuất dụng cụ y tế:**

- Năm 2024 thị phần của ngành hàng tiếp tục chịu ảnh hưởng của hàng nhập khẩu từ Trung Quốc.
- Tháng 10/2024 nhà máy tiến hành vận hành thử nghiệm xong các thiết bị, dây chuyền sản xuất tại Nhà máy mới - Nhà máy sản xuất Thiết bị y tế Benovas .
- Sản lượng sản xuất năm 2024 bị sụt giảm 13,4% so với năm 2023.
- Ban Lãnh đạo Công ty cùng đội ngũ kỹ thuật nhà máy đã chủ động tìm kiếm giải pháp để tiết kiệm chi phí, giảm giá thành và đã triển khai đầu tư các dự án như sau:
+ Bơm 5CC cải tiến đã được Ban Tổng giám đốc đưa ra giải pháp chỉnh sửa lại theo góp ý của khách hàng, sản phẩm đã được đưa ra thị trường.
+ Dây chuyền sản xuất dây chuyền dịch đã được nghiệm thu FTA vào tháng 10/2024 và đã đưa vào hoạt động trong Quý I/2025.
+ Tiếp tục định hướng đầu tư dây chuyền lắp ghép 10CC và dây chuyền sản xuất kim tiêm sẽ nâng cao chất lượng, sản lượng sản phẩm.
- Kiểm soát, bảo trì bảo dưỡng, chăm sóc tốt thiết bị máy móc, đáp ứng tốt nhất cho sản xuất, giảm tiêu hao năng lượng.
- Kiểm soát tốt việc thực hiện ngân sách cho sản xuất năm 2024.
- Bố trí lao động hợp lý, đào tạo một lao động có thể làm được nhiều vị trí công việc khác nhau.

1.2. Kết quả kinh doanh:

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2024	Tỷ lệ tăng/giảm thực hiện 2024 so với kế hoạch 2024	Thực hiện 2023	Tỷ lệ tăng/giảm thực hiện 2024 so với 2023
Doanh thu thuần	1.306.797	1.377.500	-5,13%	1.143.946	14,24%
Giá vốn	1.102.093	964.250	14,30%	934.032	17,99%
Lợi nhuận gộp	204.704	413.250	-50,46%	209.914	-2,48%

Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2024	Tỷ lệ tăng/giảm thực hiện 2024 so với kế hoạch 2024	Thực hiện 2023	Tỷ lệ tăng/giảm thực hiện 2024 so với 2023
Doanh thu tài chính	34.554	29.000	19,15%	40.016	-13,65%
Chi phí tài chính	25.617	39.000	-34,32%	33.584	-23,72%
Chi phí bán hàng	90.927	206.625	-55,99%	87.868	3,48%
Chi phí quản lý	53.947	68.875	-21,67%	51.320	5,12%
Lợi nhuận thuần từ HĐSXKD	68.767	127.750	-46,17%	77.158	-10,88%
Lợi nhuận trước thuế	68.777	127.750	-46,16%	78.111	-11,95%
Lợi nhuận sau thuế	54.145	102.200	-47,02%	62.134	-12,86%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất 2024 đã kiểm toán)

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

STT	Thành viên Ban điều hành	Chức vụ	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Số lượng cổ phiếu sở hữu
2	Ông Nguyễn Văn Bản	Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật	12/07/1978	Tài chính - Kế toán	0
3	Ông Nguyễn Trọng Đức	Phó Tổng Giám đốc sản xuất & SC	31/10/1975	Đại học Quan hệ Quốc tế	0
4	Bà Nguyễn Lâm Minh Thương	Giám đốc tài chính	27/11/1977	Cử nhân kinh tế-CN TCTD	11

- Những thay đổi trong Ban điều hành:

STT	Thành viên Ban điều hành	Chức vụ	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành
1	Ông Lương Trọng Hải	Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật	16/10/1970	Kỹ sư hàng hải, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Ngày bổ nhiệm: 01/09/2022 Ngày miễn nhiệm: 01/08/2024
2	Ông Nguyễn Văn Bản	Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật	12/07/1978	Tài chính - Kế toán	Ngày bổ nhiệm: 01/08/2024
3	Ông Nghiêm Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc PT tài chính	15/12/1976	Cử nhân Tài chính doanh nghiệp	Ngày bổ nhiệm: 01/03/2023 Ngày miễn nhiệm: 29/11/2024
4	Bà Trần Khiêm	Phó Tổng Giám đốc sản xuất	05/05/1966	Đại học được, Đại học quản trị kinh doanh	Ngày bổ nhiệm: 01/04/2023 Ngày miễn nhiệm: 01/07/2024
5	Ông Nguyễn Trọng Đức	Phó Tổng Giám đốc PT khối kinh doanh-tiếp thị	31/10/1975	Đại học Quan hệ Quốc tế	Ngày bổ nhiệm: 20/10/2023
		Phó Tổng Giám đốc PT sản xuất	31/10/1975	Đại học Quan hệ Quốc tế	Ngày miễn nhiệm: 01/07/2024
		Phó Tổng Giám đốc PT khối kinh doanh-tiếp thị kiêm Phó Tổng Giám đốc PT sản xuất	31/10/1975	Đại học Quan hệ Quốc tế	Ngày miễn nhiệm: 06/09/2024

		Phó Tổng Giám đốc sản xuất & SC	31/10/1975	Đại học Quan hệ Quốc tế	Ngày bổ nhiệm: 06/09/2024
6	Ông Nguyễn Bá Thế	Giám đốc điều hành (COO), PT KD được phẩm	01/05/1971		Ngày bổ nhiệm: 06/09/2024 Ngày miễn nhiệm: 03/12/2024
7	Bà Nguyễn Lâm Minh Thương	Giám đốc tài chính	27/11/1977	Cử nhân kinh tế-CN TCTD	Ngày bổ nhiệm Kế toán trưởng: 01/01/2022 Ngày miễn nhiệm Kế toán trưởng: 29/11/2024 Ngày bổ nhiệm Giám đốc tài chính: 29/11/2024

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

Tổng số lao động của công ty cuối năm 2024 là 812 người. Trong đó, trình độ trên đại học: 15 người (2%); Đại học, cao đẳng 328 người (40%); trung cấp: 195 người (24%); sơ cấp và công nhân lành nghề: 274 người (34%)

Công ty luôn quan tâm và thực thi đầy đủ, đúng quy định các chế độ, chính sách đối với người lao động về BHXH, BHYT, BHTN. Định kỳ kiểm tra sức khỏe và bệnh nghề nghiệp cho tất cả CBNV Công ty. Bên cạnh đó, Công ty còn mua thêm bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm kết hợp cho người lao động. Các chính sách ưu đãi về bảo hiểm cho nhân sự cấp quản lý từ Phó trưởng phòng trở lên. Thực hiện chi trả bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong môi trường có yếu tố độc hại theo quy định.

Điều chỉnh tăng mức lương cơ bản theo mức lương tối thiểu vùng và nâng bậc lương theo thang bảng lương mới từ 01/7/2024.

3. *Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án*

- a) Các khoản đầu tư lớn:

❖ **Nhà máy sản xuất TBYT Benovas:**

- Trong năm 2024 dự án đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục xây dựng và đã được Sở xây dựng tỉnh Vĩnh Long chấp thuận nghiệm thu hoàn thành công trình vào tháng 11/2024 và được Cấp Giấy chứng nhận đạt TCVN ISO 13485:2017 và 9001:2015 vào tháng 12/2024.
- Tháng 01/2025 Công ty cổ phần Thiết bị Y tế chính thức được Sở Y Tế Vĩnh Long công bố đủ điều kiện sản xuất thiết bị y tế. Nhà máy Sản xuất Thiết bị Y tế chính thức đưa vào sản xuất vào tháng 03/2025.
- Về quy mô dự án:
Dự án có tổng vốn đầu tư 373,9 tỷ đồng
Diện tích đất sử dụng: 10.846,6 m²
Công suất thiết kế 21,5 triệu sp/năm
Sản phẩm: Trang thiết bị vật tư y tế đáp ứng nhu cầu phục vụ chữa bệnh trong nước và hướng tới xuất khẩu thị trường quốc tế.
- Về dây chuyền sản xuất: Hiện tại ngoài các dây chuyền sản xuất đã có là dây chuyền in ghép ống 1cc, 3cc, 5cc; Dây chuyền lắp ghép kim tiêm và các Máy ép nhựa.....thì dự án cũng đã hoàn thành lắp đặt thêm dây chuyền sản xuất dây truyền dịch, với công suất 4.500 sản phẩm/giờ (giá trị đầu tư 18,5 tỷ đồng). Đồng thời vẫn đang tiếp tục đầu tư thêm các dây chuyền sản xuất mới như: dây chuyền lắp ghép ống xét nghiệm, lắp ghép quả lọc thận.....và các máy móc thiết bị khác nhằm tăng thêm cơ cấu sản phẩm, đáp ứng nhu cầu kinh doanh, tăng thêm lợi nhuận cho Công ty.

❖ **Dự án mở rộng Nhà máy sản xuất Capsule - giai đoạn 5:**

- Dự án thực hiện chủ yếu là mua sắm thêm các trang thiết bị móc móc với tổng vốn đầu tư là 232,5 tỷ đồng (bao gồm chủ yếu là 4 dây chuyền sản xuất vỏ nang cứng rỗng và hệ thống điều hoà không khí). Trong năm 2024 dự án đã hoàn thành lắp đặt thêm 4 dây chuyền sản xuất vỏ nang cứng rỗng được sản xuất bởi Nhà sản xuất Technophar, với công suất 2,8 tỷ nang/năm → Tăng tổng công suất của Nhà máy sản xuất Capsule thành 11,6 tỷ nang/năm. Dự án đã chính thức được Cục quản lý Dược chấp thuận đủ điều kiện đưa vào hoạt động vào tháng 11/2024.

❖ **Dự án Kho dược phẩm và Toà nhà RD:**

- Dự án được xây dựng bao gồm 02 hạng mục là Kho dược phẩm và Toà nhà RD với tổng vốn đầu tư là 85 tỷ đồng. Đối với hạng mục Kho dược phẩm (1 tầng) với diện tích xây dựng 1.690 m² được thực hiện với mục tiêu đáp ứng được nhu cầu lưu trữ hàng hoá cho Công ty đảm bảo chất lượng và an toàn; đối với Toà nhà RD (4 tầng) với diện tích xây dựng 430 m² được thực hiện với mục tiêu tạo ra khu làm việc mới và hiện đại cho khối Quản lý chất lượng Công ty cũng như chiến lược nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới của Công ty. Dự án đã chính thức đưa vào hoạt động trong năm 2024.

❖ **Trong năm 2024 DCL cũng từng bước thực hiện dự án Nhà máy sản xuất Dược phẩm theo tiêu chuẩn EU - GMP tại Long An.**

- Dự án có tổng diện tích đất là 50.000 m², tổng vốn đầu tư 1.396 tỷ đồng. Dự án được chia làm 2 giai đoạn đầu tư gồm:
 - ✓ Giai đoạn 1: Xây dựng Nhà máy sản xuất thuốc ung thư theo tiêu chuẩn EU-GMP và các hạng mục phụ trợ đi kèm.
 - ✓ Giai đoạn 2: Xây dựng Nhà máy sản xuất dược phẩm sinh học công nghệ cao, nhà máy sản xuất viên nang thực vật công nghệ cao, tổng kho, nhà máy hoá mỹ phẩm
- Hiện tại dự án đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và đang trong giai đoạn hoàn thiện các thủ tục pháp lý về đầu tư xây dựng và dự kiến sẽ được khởi công vào tháng 6 hoặc tháng 7/2025.
- ❖ Ngoài ra trong năm 2024 DCL cũng đã đạt được Giấy chứng nhận FDA đối với sản phẩm Vô nang gelatin cứng rỗng sản xuất tại Nhà máy Capsule và đang từng bước thực hiện nâng cấp Nhà máy Nonbetalactam đạt tiêu chuẩn EU-GMP (dự kiến sẽ hoàn thành trong năm 2025) để tăng cường mở rộng thị trường xuất khẩu quốc tế, tăng thêm lợi nhuận cho Công ty.

b) Các công ty con, công ty liên kết:

Nội dung này đã được nêu tại mục 3 phần I của báo cáo này.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	Tỷ lệ tăng/ giảm (%)
Tổng giá trị tài sản	2.424.145.751.708	2.277.459.686.188	6,44%
Doanh thu thuần	1.306.797.442.020	1.143.946.300.244	14,24%
Lợi nhuận từ hoạt động KD	68.767.242.251	77.157.673.223	-10,87%
Lợi nhuận khác	9.560.006	953.017.067	-99,00%
Lợi nhuận trước thuế	68.776.802.257	78.110.690.290	-11,95%
Lợi nhuận sau thuế	54.145.499.702	62.134.364.376	-12,86%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

- Các chỉ tiêu khác: Không có.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	2,27	2,19	-3,69%
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho	1,68	1,66	-1,26%
Nợ ngắn hạn			
Nợ ngắn hạn	618.074.636.805	654.983.520.031	5,97%
Tài sản ngắn hạn	1.403.123.810.398	1.432.009.216.451	2,06%
Hàng tồn kho	365.030.884.166	345.751.353.985	-5,28%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,36	0,38	4,66%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,57	0,61	7,52%
Nợ phải trả	826.667.957.660	920.952.752.826	11,41%
Tổng Tài sản	2.277.459.686.188	2.424.145.751.708	6,44%
Vốn chủ sở hữu	1.450.791.728.528	1.503.192.998.882	3,61%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	2,75	3,10	12,90%
+ Vòng quay tổng tài sản:			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,50	0,56	10,67%
Giá vốn hàng bán	934.032.409.930	1.102.093.457.343	17,99%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,05	0,04	-23,72%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	0,04	0,04	-15,90%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,03	0,02	-18,13%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,07	0,05	-21,98%
Doanh thu thuần	1.143.946.300.244	1.306.797.442.020	14,24%
Lợi nhuận sau thuế	62.134.364.376	54.145.499.702	-12,86%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	77.157.673.223	68.767.242.251	-10,87%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 73.041.030 cổ phần

Loại cổ phần: cổ phần phổ thông.

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 34.244 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

ST T	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đồng	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0	0	0
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI/					
	- Trong nước					
	- Nước ngoài					
3	Cổ đông lớn	42.402.616	58,05	01	01	0
	- Trong nước	42.402.616	58,05	01	01	0
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
4	Công đoàn Công ty					
	- Trong nước					
	- Nước ngoài					
5	Cổ phiếu quỹ					
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)					
7	Cổ đông khác					
	- Trong nước	29.825.266	40,83	2.173	15	2.158
	- Nước ngoài	813.148	1,12	48	10	38
TỔNG CỘNG		73.041.030	100	2.222	26	2.196
Trong đó: - Trong nước		72.227.882	98,88	2.174	16	2.158
- Nước ngoài		813.148	1,12	48	10	38

(Theo danh sách cổ đông chốt ngày 20/03/2025)

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	Thời gian	Đối tượng chào bán	Lý do tăng	Số lượng tăng	Giá trị tăng	Số lượng lũy kế	Giá trị lũy kế
Vốn điều lệ ban đầu	2005					5.600.000	56.000.000.000
Vốn điều lệ tăng thêm	2007	Cổ đông nội bộ, cổ đông bên ngoài	Phát hành nội bộ + bán bên ngoài	2.500.000	25.000.000.000	8.100.000	81.000.000.000
	2008	Cổ đông hiện hữu	Chi cổ tức bằng cổ phiếu + thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 20:1	1.619.308	16.193.080.000	9.719.308	97.193.080.000
	2010	Cán bộ, nhân viên công ty	Phát hành ESOP	194.384	1.943.840.000	9.913.692	99.136.920.000
	2015	Cán bộ, nhân viên công ty	Phát hành ESOP	145.788	1.457.880.000	10.059.480	100.594.800.000
	2015	Cổ đông hiện hữu	Phát hành tỷ lệ 1:1	10.059.480	100.594.800.000	20.118.960	201.189.600.000
	2016	Cổ đông hiện hữu	Thưởng 100% bằng nguồn vốn chủ sở hữu	20.118.960	201.189.600.000	40.237.920	402.379.200.000
	2016	Cổ đông hiện hữu	Thưởng 40% bằng nguồn vốn chủ sở hữu	16.094.904	160.949.040.000	56.332.824	563.328.240.000
	2017	Cán bộ, nhân viên công ty	Phát hành ESOP	500.000	5.000.000.000	56.832.824	568.328.240.000
	2021	Cán bộ, nhân viên công ty	Phát hành ESOP	2.000.000	20.000.000.000	58.832.824	588.328.240.000
Vốn điều lệ hiện tại	2022	NĐTCKCN	Chào bán riêng lẻ	14.208.206	142.082.060.000	73.041.030	730.410.300.000

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: 3.455 tCO₂e/năm.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: không.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: 533.160.382 kg.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không có.

- 6.3. Tiêu thụ năng lượng:
- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 13.958.803 Kw.
 - Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không có.
 - Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: không có.
- 6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm): 100.383 m³
- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty cấp nước Vĩnh Long.
 - Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có.
- 6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:
- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không.
 - Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không.
- 6.6. Chính sách liên quan đến người lao động
- Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:
 - Số lượng lao động bình quân trong năm 2024: 818 người.
 - Lương trung bình năm 2024: 7,993,764 đồng/người.
 - Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:
 - Duy trì và thực hiện đúng, đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với người lao động về BHXH, BHYT, BHTN, BNTNLĐ, bệnh nghề nghiệp.
 - Hợp đồng bảo hiểm kết hợp con người cho người lao động; Bảo hiểm sức khỏe cho cán bộ chủ chốt (trưởng, phó bộ phận).
 - Duy trì suất ăn giữa ca và hỗ trợ bằng tiền mặt cho người lao động, với giá trị: 22.000đ/suất để nâng chất lượng bữa ăn giữa ca và hỗ trợ bằng tiền trong trường hợp người lao động làm việc ca 3, các trường hợp không dùng cơm tại nhà ăn Công ty. Tổng chi phí thanh toán cho Nhà cung cấp suất ăn và chi hỗ trợ cho người lao động không sử dụng cơm tại nhà ăn theo quy định của công ty năm 2024 là hơn 3,98 tỷ đồng.
 - Duy trì và bổ sung các tiêu chí trong khâu kiểm tra khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, lập hồ sơ theo dõi và quản lý theo quy định.
 - Trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị, bảo hộ lao động (kính chống nhiệt), PCCC, ATLĐ, VSLĐ và thực hiện đào tạo về ATLĐ theo các nhóm, đào tạo về PCCC; Tổ chức diễn tập về phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ,... đảm bảo người lao động làm việc trong môi trường lành mạnh, an toàn. Các thiết bị sản xuất luôn được hiệu chuẩn định kỳ, thiết bị an toàn PCCN được kiểm tra thường xuyên; Môi trường cây xanh, hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn. Chi trả độc hại cho nhân viên làm việc trong môi trường độc hại theo quy định.
 - Hoạt động đào tạo người lao động
 - Hoạt động đào tạo người lao động – Đào tạo hội nhập cho 100% người lao động mới tuyển, đào tạo các kỹ năng để nâng cao năng lực quản lý. Công nhân sản xuất được đào tạo, hướng dẫn các quy trình vận hành máy móc thiết bị sản xuất.
 - Trong năm qua có 497 lượt CB,CNV tham dự với 69 chương trình đào tạo bằng cách hình thức E-Learning, đào tạo nội bộ, đào tạo bên ngoài. Với tổng chi phí đã chi là 157,569,734 đồng. Nổi bật trong số đó là các chương trình về Đào tạo hội nhập, tập huấn nghiệp vụ PCCC, kiến thức sản phẩm & Kỹ năng giải quyết vướng mắc, loại bỏ thói quen trì hoãn, đào tạo Quy trình mua hàng, Các nghiệp vụ chuyên môn, tiêu chuẩn để lắp đặt, vận hành thiết bị tại nhà máy, Đào tạo về tiêu chuẩn ISO, GMP,...Điển hình là khóa đào tạo "Đào tạo Data Analyst" do Tổng giám đốc chỉ đạo và chủ trì triển khai kết hợp với đơn vị đào tạo có uy tín bên ngoài, nhằm cải thiện kỹ năng của nhân viên, nâng cao năng lực phân tích đánh giá để có được thông tin nhanh chóng chính xác góp phần vào dữ liệu kinh doanh của công ty.
- 6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.
- Phong trào vận động đóng góp, tương trợ trong toàn Công ty được quán triệt đầy đủ và nhiệt tình hưởng ứng của tập thể công ty. Ban Lãnh đạo Công ty luôn tạo điều kiện để các hoạt động phong

trào về Văn hóa- Xã hội, thể dục thể thao được duy trì thường xuyên nhân các dịp lễ lớn trong năm.

- Năm 2024, đóng góp quỹ phòng chống thiên tai, đóng góp các động xã hội tại địa phương như: tài trợ sổ tiết kiệm cho thanh niên lên đường nhập ngũ, ủng hộ 01 tấn gạo cho hộ nghèo, hỗ trợ chi phí tổ chức bếp ăn cho dân quân,...các hoạt động trên với tổng số tiền là 197 triệu đồng.
 - Công ty phối hợp với chính quyền địa phương cam kết xây dựng Doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc và được công nhận của Công an tỉnh. Vận động mọi người đăng ký đảm bảo an toàn giao thông. Công tác phòng chống cháy nổ và cứu hộ cứu nạn thực hiện diễn tập đúng quy định và đào tạo đầy đủ cho lực lượng PCCC Công ty.
- 6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.
- Trong năm qua Công ty chưa tham gia vào thị trường vốn xanh.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- a) Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây:

Đã nêu tại mục 1 phần II của báo cáo này.

- b) Những tiến bộ công ty đã đạt được.

Theo báo cáo tài chính năm 2024 của Dược Cửu Long, doanh thu thuần đạt 95% so với kế hoạch, tăng 14,24% so với năm 2023, để có được kết quả này, Dược Cửu Long đã nỗ lực không ngừng việc mở rộng sản xuất kinh doanh với nhiều hoạt động trong năm như sau:

- Mạng lưới phân phối sản phẩm của DCL trải dài khắp các tỉnh thành trên cả nước gồm 9 chi nhánh cấp 1 và cấp 2, nhà phân phối, kênh ETC cung cấp thuốc vào 1.078 bệnh viện, Phòng khám đa khoa, Trung tâm y tế trên toàn quốc.

❖ Mảng Kinh doanh Dược phẩm:

- Đối với kênh OTC, ngoài phát triển thị trường bán lẻ, DCL đã đưa sản phẩm của công ty vào hệ thống các chuỗi nhà thuốc Pharmacity, Long Châu, An Khang... Ngoài ra, để tiếp cận trực tiếp đến khách hàng, giúp các đơn vị nhà thuốc, quầy thuốc,... và người dùng sản phẩm dễ dàng tìm kiếm thông tin sản phẩm, DCL đã hợp tác với hệ thống bán thuốc online.
 - + Tăng trưởng doanh thu ổn định: Kênh bán hàng B2B duy trì mức tăng trưởng khả quan, đặc biệt trong các dòng sản phẩm dược phẩm thiết yếu, tăng trưởng 2% so với năm 2023
 - + Mở rộng hệ thống phân phối: Hợp tác với nhiều đối tác bán buôn, bệnh viện, nhà thuốc lớn nhằm mở rộng mạng lưới phân phối trên toàn quốc.
 - + Đẩy mạnh nhóm sản phẩm chiến lược của công ty vào hệ thống chuỗi. Doanh thu bán hàng vào chuỗi Pharmacity tăng trưởng 703%.
- Đối với Kênh ETC, DCL trực tiếp tham gia thầu và trúng nhiều gói thầu khác nhau tại các sở y tế, cung cấp sản phẩm đến hầu hết các bệnh viện, trung tâm y tế trên cả nước:
 - + Về doanh thu: đạt 289 tỷ tăng 148% so với cùng kỳ
 - + Về sản phẩm: Ban Tổng Giám đốc Công ty đã chỉ đạo tập trung khai thác cơ hội sản phẩm dự thầu, nhiều sản phẩm mới đặc thù cho kênh bệnh viện, xây dựng mục tiêu phát triển sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu điều trị, giá phù hợp cho tất cả bệnh nhân đều có thể tiếp cận được.
 - + Về hệ thống : tiếp cận thế mạnh của hệ thống chi nhánh sẵn có, đáp ứng dịch vụ cung ứng tận các cơ sở y tế vùng sâu, vùng xa.
 - + Về hợp tác với đối tác chiến lược: tìm thêm nhiều cơ hội để hợp tác trong việc phát triển dịch vụ phân phối hàng hóa chuyên biệt kênh bệnh viện.
- Đội ngũ kinh doanh không ngừng tìm kiếm nguồn hàng để đa dạng hóa danh mục sản phẩm, đưa vào hoạt động hợp tác kinh doanh các sản phẩm không do Công ty sản xuất trực tiếp (nhóm Hàng hoá thương mại). Điều này giúp DCL hiểu, nắm bắt được nhu cầu thị trường, mở rộng mạng lưới

phân phối và cũng đóng góp tỷ trọng lớn trong kinh doanh. Đặc biệt, kênh ETC đã tham gia đấu thầu nhóm Hàng hoá thương mại với giá trị tham dự lớn.

❖ **Mảng Kinh doanh Capsule:**

- Doanh thu tăng trưởng 10% (319 tỷ đồng năm 2024 so với 291 tỷ đồng năm 2023)
- Tiếp tục giữ vững vị thế nhà sản xuất nang nội địa chiếm thị phần dẫn đầu cả nước.
- Bước đầu khai thác và xâm nhập được các khách hàng lớn và khó tính như : Stella , Imexpharm, Bidiphar Một số khách hàng đã có phát sinh doanh số
- Phối hợp cùng nhà máy chuẩn hoá qui trình giám sát, khắc phục gần như tuyệt đối các sự cố lỗi kỹ thuật, mang đến sự tin tưởng cao từ tất cả các khách hàng.
- Cải tiến chất lượng in bằng cách đầu tư máy móc thiết bị, thêm nhà cung cấp khuôn in.
- Việc mở rộng Nhà máy capsule giai đoạn 5 đi vào vận hành đảm bảo đáp ứng được 100% nhu cầu của khách hàng những tháng cao điểm.
- Thông qua dự án đầu tư sản xuất thêm 2 loại sản phẩm mới là nang DL-cap, dự kiến Quý 2/2025 đưa sản phẩm ra thị trường.

❖ **Mảng Kinh doanh dụng cụ y tế:**

Trước nhu cầu ngày càng cao của thị trường, Benovas đã tập trung nghiên cứu và sản xuất đa dạng đa dạng mẫu mã với 5 nhóm sản phẩm: bơm tiêm 1ml/cc, bơm tiêm 5ml/cc, bơm tiêm 10ml/cc, bơm Insulin, kim các loại, các sản phẩm kim tiêm, kim bướm,... Các dòng sản phẩm thiết bị y tế của Dược Cửu Long đạt tiêu chuẩn ISO 9001 - 2015, ISO 13485 - 2016, eGMP FDA 2015, được tin tưởng sử dụng rộng rãi tại các bệnh viện, phòng khám trên khắp cả nước.

Nhà máy sản xuất Thiết bị y tế Benovas mới được xây dựng trên diện tích 10.846,6 m² với diện tích nhà xưởng sản xuất 4.835 m², tổng vốn đầu tư đạt 379.9 tỷ đồng, công suất thiết kế 21.5 triệu sản phẩm/tháng, đáp ứng cung cấp 258 triệu sản phẩm/năm.

Những sản phẩm này được sản xuất trên dây chuyền hiện đại theo hướng tự động hóa đạt tiêu chuẩn CE của Châu Âu và FDA của Hoa Kỳ. Sau khi đi vào hoạt động, sản phẩm của Nhà máy Sản xuất Thiết bị y tế Benovas không chỉ đáp ứng tốt hơn nhu cầu khách hàng, mà còn góp phần cung cấp một lượng lớn trang thiết bị y tế cho công tác tiêm phòng vaccine đang ngày một tăng cao tại Việt Nam.

- ❖ Ngoài ra, việc kinh doanh nguyên liệu làm thuốc giúp DCL đa dạng hoá nguồn cung cấp, doanh thu hoạt động kinh doanh cũng đóng góp lớn vào tổng doanh thu DCL và đây cũng là một trong những hướng kinh doanh các sản phẩm liên quan trong ngành để xây dựng kế hoạch kinh doanh mới cho các năm sau.

2. **Tình hình tài chính**

a) **Tình hình tài sản**

Tổng tài sản tăng từ 2.277 tỷ lên 2.424 tỷ tương ứng tỷ lệ tăng 6,4%. Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng từ 293,2 tỷ tăng lên 326,7 tỷ tương ứng tăng 11,4%, chủ yếu tăng khoản nợ về hàng hóa mua ngoài do doanh số bán tăng.

b) **Tình hình nợ phải trả**

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:
Hệ số thanh toán nhanh năm 2024 là 1,66 so với năm 2023 là 1,68, giảm 1,26%, luôn duy trì mức tốt trong công tác quản lý tài chính, đảm bảo khả năng thanh toán đối với các khoản nợ của Công ty
- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: Công ty không có nợ phải trả quá hạn

3. **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.**

- Thiết lập, sắp xếp cơ cấu tổ chức hoạt động các Chi nhánh theo mô hình Chi nhánh cấp 1, Chi nhánh cấp 2. Bộ máy quản lý được tinh gọn và tập trung, nhân sự được đào tạo để đa năng hóa

nhằm nâng cao năng lực về chuyên môn và phát hiện nhân sự tiềm năng để trao quyền quản lý, điều hành các đơn vị, phát triển từ nội bộ cho nhân sự.

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh các SOP của Công ty, phòng ban để phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Triển khai và thực hiện hoàn thành công việc số hoá trong quản trị - phần mềm nhân sự cùng Tập đoàn với VNR kết hợp với phần mềm Base - Hệ thống ERP là nền tảng quản trị Doanh nghiệp trực tuyến, giúp DCL dễ dàng quản lý công việc, quản lý thông tin, quản trị nhân sự và quản trị tài chính nhằm nâng cấp, tích hợp các quy trình hoạt động, nên mọi hoạt động liên quan số hoá được nâng dần về chất lượng, hiệu quả về thời gian;
- Hệ thống chất lượng toàn Công ty duy trì áp dụng các tiêu chuẩn ISO 9001:2015; tiêu chuẩn ISO 13485:2016 & ISO 7886-1:2017. Nhà máy dược phẩm, nhà máy Capsule đạt chuẩn GMP-WHO, Kho dược phẩm đạt chuẩn GDP và GSP, Kho Capsule đạt chuẩn GDP.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Với chiến lược phát triển ổn định và bền vững, doanh thu và lợi nhuận tăng vượt trội thông qua các dự án đầu tư, xây dựng khi hoàn thành và đưa vào sử dụng:

- Kế hoạch chính trong 2025 DCL sẽ chính thức khởi công dự án Nhà máy sản xuất Dược phẩm theo tiêu chuẩn EU-GMP tại Long An và hoàn thành mục tiêu nâng cấp Nhà máy Nonbetalactam đạt tiêu chuẩn EU-GMP
 - Định hướng hợp tác với đối tác nước ngoài cho dự án “Sản xuất và kinh doanh thực phẩm chức năng”.
5. **Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần):** Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

- a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):
- Tất cả các nhà máy của công ty thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các quy định về luật môi trường:
- Các nhà máy của công ty đã được cấp các quyết định phê duyệt về báo cáo đánh giá tác động môi trường: Quyết định số: 385/QĐ.UBT ngày 25-02-1999; Quyết định số: 945/QĐ.UBT ngày 10-05-2007; Quyết định số: 185/CV.UBT ngày 03-04-1996; Giấy Xác Nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường Số 135/GXN-STNMT; Giấy phép môi trường số 74/GPMT-UBND ngày 17-01-2023; Giấy phép Môi trường cấp điều chỉnh lần 1 Số 2788/GPMT-UBND ngày 31-12-2024; Quyết định số: 260/QĐ.UBT ngày 14-02-2017; Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 16-06-2009; các quyết định phê duyệt v/v thay đổi Báo Cáo Đánh Giá Tác Động Môi Trường; Giấy phép xả thải số: 2390/GP-UBND ngày 01-11-2018; 2389/GP-UBND ngày 01-11-2018.
 - Có hệ thống xử lý nước thải tại tất cả các nhà máy, đầu ra của hệ thống đạt tiêu chuẩn quy định theo luật hiện hành.
 - Các công trình xử lý chất thải của các nhà máy đã được cấp Giấy Xác Nhận Việc Đã Thực Hiện Các Công Trình, Biện Pháp Bảo Vệ Môi Trường: Số 135/GXN-STNMT ngày 24-01-2014; Số 136/GXN-STNMT ngày 24-01-2014. Số: 5848/GXN-UBND ngày 25-11-2020.
 - Xử lý chất thải rắn theo đúng quy định của luật bảo vệ môi trường hiện hành. Được cấp Sổ Chủ Nguồn Thải Chất Thải Nguy Hại với mã số Quản Lý Chất Thải Nguy Hại: 86.000032.T ngày 25-12-2014; 86.000033.T ngày 11-07-2014. Hợp đồng với đơn vị đầy đủ chức năng thực hiện thu gom, xử lý đúng theo quy trình. Thực hiện đầy đủ chứng từ về Chất Thải Nguy Hại.
 - Năm 2024 công ty không bị xử phạt về môi trường.
- b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:
- Về chính sách BHXH, BHYT, BHTN: Công ty luôn trích nộp và thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động. Bên cạnh đó, hàng năm vẫn duy trì mua bảo hiểm kết hợp, bảo hiểm sức khỏe cho người lao động.
 - Sắp xếp, luân chuyển, tinh gọn nội bộ phù hợp với nhu cầu công việc, năng lực chuyên môn và nhu cầu phát triển bản thân của người lao động. Tinh gọn nhân sự thông qua việc phân công kiêm nhiệm công việc, đảm bảo phúc lợi và tạo cơ hội cho người lao động cũng như tiết giảm chi phí cho Công ty.

- Trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị, bảo hộ lao động (kính chống nhiệt), PCCC, đào tạo nội bộ,... đảm bảo người lao động làm việc trong môi trường lành mạnh, an toàn. Đào tạo hội nhập cho 100% người lao động mới, đào tạo kỹ năng và hướng dẫn các quy trình hoạt động, vận hành máy móc thiết bị cho công nhân các Nhà máy.
- Điều chỉnh nâng mức đóng BHXH cho người lao động có thâm niên theo mốc 05 năm trở lên: 10 -15 -20 - 25 - 30 năm theo Thang bảng lương mới với mức lương tối thiểu vùng tăng theo quyết định của Chính phủ.
- Tổ chức 02 đợt đi nghỉ dưỡng, team building (03 ngày 02 đêm) tại Phan Thiết cho CB.CNV, đã tăng thêm sự gắn kết trong nội bộ thông qua các hoạt động vui chơi, trải nghiệm.
- c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty hưởng ứng và tham gia đầy đủ các chính sách xã hội do các cơ quan ban ngành tại địa phương phát động, tích cực hưởng ứng các chương trình vì cộng đồng.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

- Xuyên suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty luôn tuân thủ quy định của các cơ quan quản lý, của Cục Quản lý Dược, Sở Y tế Vĩnh Long...Thực hiện đúng theo các quy trình, quy chế...do Hội đồng quản trị/Tổng Giám đốc ban hành
- Thực thi tốt công tác bảo vệ môi trường, thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường thông qua báo cáo đánh giá tác động môi trường. Quản lý chặt chẽ hoạt động hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo nước thải đầu ra đạt quy chuẩn về môi trường.
- Hưởng ứng và tham gia đầy đủ các chính sách xã hội do các cơ quan ban ngành tại địa phương phát động, tích cực hưởng ứng các chương trình vì cộng đồng.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

- Trong năm, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Ban điều hành và các cán bộ quản lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh đúng theo Nghị quyết Hội đồng quản trị, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Ban Tổng Giám đốc luôn linh hoạt trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, tuân thủ quy định của các cơ quan quản lý Nhà nước, của pháp luật, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Điều lệ Công ty. Tập trung vào các vấn đề sau:
 - + Triển khai nghiên cứu sản phẩm mới cho dự án nhà máy EU-GMP, nhà máy Thiết bị y tế Benovas bổ sung thêm các sản phẩm có chất lượng cao phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu;
 - + Kế hoạch đầu tư phát triển các sản phẩm Công nghệ sinh học theo định hướng phát triển công nghiệp Dược trong nước theo xu hướng hiện đại và được nhà nước quan tâm, khuyến khích đầu tư và ưu đãi;
 - + Tăng danh mục sản phẩm nhập khẩu thông qua đàm phán, chuyển giao hay phân phối độc quyền với các đối tác nước ngoài để tham dự thầu ETC cho các nhóm thuốc đặc trị, chất lượng cao;
 - + Đẩy mạnh kinh doanh nhóm hàng chiến lược, các sản phẩm có doanh thu lớn, lợi nhuận gộp cao;
 - + Tối ưu hoá công suất của các nhà máy để giảm chi phí sản xuất;
 - + Quản lý tài chính hiệu quả, kiểm soát chi phí theo kế hoạch ngân sách được phê duyệt;
 - + Xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, tinh gọn.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

a) Đối với khối ngành Dược phẩm:

- Năm 2024, Công ty đã khởi động dự án nâng cấp Nhà máy Nonbetalactam tại Vĩnh Long đạt tiêu chuẩn EU-GMP (*dự kiến sẽ hoàn thành trong năm 2025*), mục đích: tăng cường mở rộng thị trường xuất khẩu, tăng doanh thu và lợi nhuận mục tiêu.
- Dự án Nhà máy sản xuất Dược phẩm theo tiêu chuẩn EU - GMP tại Long An:
Dự án có tổng diện tích đất là 50.000 m², tổng vốn đầu tư 1.396 tỷ đồng. Dự án được chia làm 2 giai đoạn đầu tư gồm:
 - + Giai đoạn 1: Xây dựng Nhà máy sản xuất thuốc ung thư theo tiêu chuẩn EU-GMP

+ Giai đoạn 2: Xây dựng Nhà máy sản xuất dược phẩm sinh học công nghệ cao, nhà máy sản xuất viên nang thực vật công nghệ cao, tổng kho, nhà máy hoá mỹ phẩm.

Dự án dự kiến khởi công vào tháng 6 hoặc tháng 7/2025.

- Định hướng hợp tác với đối tác nước ngoài cho dự án “Sản xuất và kinh doanh thực phẩm chức năng”
- Với 49 năm đầu tư và phát triển, các sản phẩm thuốc được sản xuất bởi Dược Cửu Long đã mang lại niềm tin cho nhiều khách hàng và bệnh nhân bởi chất lượng và giá cả hợp lý. Ngoài danh mục sản xuất hiện có, DCL còn đa dạng hoá danh mục sản phẩm với nhóm Hàng hoá thương mại (Dược phẩm) vào hoạt động kinh doanh. Điều này giúp DCL tìm hiểu, nắm bắt được nhu cầu thị trường, mở rộng mạng lưới phân phối kênh OTC, ETC và cũng đóng góp tỷ trọng lớn trong kinh doanh.

b) Đối với khối ngành sản xuất dụng cụ y tế:

- Năm 2025: mục tiêu đạt 150 tỷ doanh thu, mở rộng thị trường ra miền Bắc và miền Trung. Nhà máy TBVT Benovas mới có khả năng sản xuất 21.5 triệu sản phẩm/tháng, phục vụ không chỉ nhu cầu trong nước mà còn đủ tiêu chuẩn, năng lực và chất lượng để đáp ứng nhu cầu xuất khẩu sang thị trường Châu Âu và Hoa Kỳ. Đặc biệt, trong bối cảnh nhu cầu sử dụng thiết bị y tế ngày càng tăng, Nhà máy cam kết cung cấp nguồn sản phẩm ổn định, góp phần hỗ trợ công tác chăm sóc y tế cho người dân.
- Về sản phẩm : trong năm 2025 sẽ đầu tư thêm máy móc thiết bị để phát triển các dòng sản phẩm mới như ống xét nghiệm, kim luồn, kim bướm và quả lọc thận nhân tạo.

c) Đối với khối ngành sản xuất viên nang rỗng:

- Nhà máy sản xuất Capsule chuyên sản xuất viên nang rỗng với nhiều chủng loại, kích cỡ, đáp ứng nhu cầu cho ngành dược phẩm và thực phẩm chức năng cung cấp hơn 80% thị phần tại Việt Nam.
- Qua đó Dược Cửu Long tiếp tục giữ vững vị thế số 1 về thị phần nang rỗng tại Việt Nam, Nhà máy được trang bị công nghệ tiên tiến được nhập từ Canada và đang trong tình trạng hoạt động hết công suất để đáp ứng đơn hàng trong và ngoài nước. Trước bối cảnh nhu cầu viên nang rỗng (capsule) cho ngành dược phẩm và thực phẩm chức năng đang ngày một tăng cao, Công ty đã hoàn thành đầu tư mở rộng giai đoạn 5 với mức vốn đầu tư 232,5 tỷ đồng với công suất 2,8 tỷ nang/năm - Tăng tổng công suất của Nhà máy sản xuất Capsule lên 11,6 tỷ nang/năm. Dự án đã chính thức được Cục quản lý Dược chấp thuận đủ điều kiện đưa vào hoạt động vào tháng 11/2024.
- Ngoài ra, trong năm 2024 DCL đã đạt được Giấy chứng nhận FDA đối với sản phẩm Vỏ nang gelatin cứng rỗng sản xuất tại Nhà máy Capsule.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Họ tên	Chức vụ tại công ty	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu DCL cuối kỳ	Chức vụ tại tổ chức khác
1	Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch HĐQT, NĐDPL	0	
	Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T		58,05%	CT HĐQT
	Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa		0	CT HĐQT
	Công ty Cổ phần đầu tư JJK Holdings		0	CT HĐQT , TGD
	Công ty TNHH Một thành viên Dược phẩm VPC - Sài Gòn		0	Chủ tịch công ty

	Công ty cổ phần Dược phẩm Benovas		0	CT HĐQT, NDDPL
2	Bùi Hồng Hạnh	TV HĐQT không điều hành	0	
	Công ty CP Vật tư Kỹ Thuật Nông nghiệp Cần Thơ		0	Người được UQ CBTT và Người phụ trách quản trị CT
	Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T		0	TV HĐQT
	Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas		0	TV HĐQT
	Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T		58,05%	Người được UQ CBTT và Người phụ trách quản trị CT
	Công Ty Cổ Phần Thuốc Ung Thư Benovas		0	TV HĐQT
3	Nguyễn Ngọc Mai	TV HĐQT không điều hành	0	
	Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa		0	TV HĐQT
	Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T		58,05%	TV HĐQT
4	Nguyễn Ninh Dũng	TV HĐQT không điều hành	0	
	Công Ty Cổ Phần Nước Khoáng Khánh Hòa		0	TV HĐQT
	Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T		58,05%	TV HĐQT
	Công ty Cổ phần đầu tư JJK Holdings		0	TV HĐQT
5	Phạm Văn Ngọc	TV HĐQT độc lập	0	
	Công ty cổ phần Tập đoàn Big One		0	Phó TGĐ

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Các cuộc họp HĐQT với nội dung chủ yếu là triển khai thực hiện những vấn đề đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 thông qua, bổ nhiệm/miễn nhiệm nhân sự chủ chốt và các nội dung thuộc thẩm quyền, tình hình sản xuất kinh doanh, chiến lược phát triển công ty..., đồng thời Chủ tịch họp cùng Ban Tổng Giám đốc về chiến lược phát triển sản phẩm mới, chiến lược kinh doanh, đầu tư nâng cao năng lực sản xuất, thông qua OGSM, ngân sách hoạt động trong năm.
- Đề đạt được hiệu quả hoạt động tối ưu, Chủ tịch HĐQT phân công nhiệm vụ đến các thành viên HĐQT. Các thành viên thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng, tâm huyết vì lợi ích của công ty.
- Tuân thủ việc công bố thông tin định kỳ, bất thường và theo yêu cầu đối với công ty niêm yết đầy

đủ và kịp thời. Quan tâm đến lợi ích của cổ đông, cung cấp thông tin cho cổ đông theo quy định.

Các nghị quyết, quyết định của HĐQT:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐQT	22/02/2024	Về việc triệu tập ĐHĐCĐ thường niên 2024	100%
2	Quyết định số 02/2024/QĐ-HĐQT	24/02/2024	Về việc thành lập Ban dự án “Dự án nâng cấp Nhà máy Non-betalactam tại Vĩnh Long đạt tiêu chuẩn EU-GMP” và “Dự án nâng cấp Nhà máy Capsules đạt tiêu chuẩn FDA”	100%
3	Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐQT	17/05/2024	Về việc thông qua một số nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT	100%
4	Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐQT	01/07/2024	Thông qua việc miễn nhiệm chức danh PTGD phụ trách sản xuất đối với bà Trần Khiêm; bổ nhiệm ông Nguyễn Trọng Đức giữ chức vụ PTGD phụ trách sản xuất. Hiệu lực từ ngày 01/07/2024	100%
4.1	Quyết định số 03/2024/QĐ-HĐQT	01/07/2024	Về việc miễn nhiệm chức danh PTGD phụ trách sản xuất đối với bà Trần Khiêm. Hiệu lực từ ngày 01/07/2024	
4.2	Quyết định số 04/2024/QĐ-HĐQT	01/07/2024	Về việc ông Nguyễn Trọng Đức kiêm nhiệm chức vụ PTGD phụ trách sản xuất. Hiệu lực từ ngày 01/07/2024	
5	Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐQT	17/07/2024	Về việc chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2024 là Chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C tại Hà Nội	100%
6	Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐQT	30/07/2024	Về việc thay đổi chức vụ Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật từ ông Lương Trọng Hải sang ông Nguyễn Văn Bản. Hiệu lực từ ngày 01/08/2024	100%
6.1	Quyết định số 5A/2024/QĐ-HĐQT	30/07/2024	Về việc miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của ông Lương Trọng Hải. Hiệu lực từ ngày 01/08/2024	
6.2	Quyết định số 5B/2024/QĐ-HĐQT	30/07/2024	Về việc bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Bản giữ chức vụ Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật. Hiệu lực từ ngày 01/08/2024	
7	Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐQT	06/09/2024	Về việc bổ nhiệm ông Nguyễn Bá Thế - giữ chức vụ Giám đốc điều hành (COO), PT kinh doanh dược phẩm, ông Nguyễn Trọng Đức - giữ chức vụ Phó TGD sản xuất & SC	100%
7.1	Quyết định số 6A/2024/QĐ-HĐQT	06/09/2024	Về việc bổ nhiệm ông Nguyễn Bá Thế - giữ chức vụ Giám đốc điều hành (COO), PT kinh doanh dược phẩm. Hiệu lực từ ngày 06/09/2024	
7.2	Quyết định số 6B/2024/QĐ-HĐQT	06/09/2024	Về việc bổ nhiệm ông Nguyễn Trọng Đức - giữ chức vụ Phó TGD sản xuất và SC. Hiệu lực từ ngày 06/09/2024	
8	Quyết định số 09/2024/QĐ-HĐQT	01/10/2024	Về việc giải thể chi nhánh Cà Mau	100%
9	Quyết định số 9A/2024/QĐ-HĐQT	01/10/2024	Về việc giải thể chi nhánh Sóc Trăng	100%
10	Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐQT	29/11/2024	Về việc miễn nhiệm chức vụ PTGD TC của ông Nghiêm Xuân Trường, miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng của bà Nguyễn Lâm Minh Thương Bổ nhiệm bà Nguyễn Lâm Minh Thương giữ chức vụ Giám đốc tài chính Bổ nhiệm bà Bùi Thị Mỹ Đăng giữ chức vụ Kế toán trưởng. Hiệu lực từ ngày 29/11/2024	100%
10.1	Quyết định số 8A/2024/QĐ-HĐQT	29/11/2024	Về việc miễn nhiệm chức vụ PTGD TC của ông Nghiêm Xuân Trường. Hiệu lực từ ngày 29/11/2024	

10.2	Quyết định số 8B/2024/QĐ-HĐQT	29/11/2024	Về việc miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng của bà Nguyễn Lâm Minh Thương, bổ nhiệm bà Nguyễn Lâm Minh Thương giữ chức vụ Giám đốc tài chính. Hiệu lực từ ngày 29/11/2024	
10.3	Quyết định số 8C/2024/QĐ-HĐQT	29/11/2024	Về việc bổ nhiệm bà Bùi Thị Mỹ Đang giữ chức vụ Kế toán trưởng. Hiệu lực từ ngày 29/11/2024	
11	Quyết định số 09/2024/QĐ-HĐQT	27/11/2024	Về việc điều chỉnh nội dung dự án đầu tư Nhà máy sx được phẩm theo tiêu chuẩn EU-GMP	100%
12	Quyết định số 10/2024/QĐ-HĐQT	03/12/2024	Về việc miễn nhiệm chức vụ Giám đốc điều hành (COO), PT kinh doanh được phẩm của ông Nguyễn Bá Thế. Hiệu lực từ ngày 03/12/2024	100%
13	Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐQT	31/12/2024	Về việc vay vốn tại các ngân hàng thương mại	100%
14	Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐQT	31/12/2024	Về việc mua thêm cổ phần của Công ty con là Công ty cổ phần Thiết bị y tế Benovas (giá trị dưới 10% tổng tài sản của Công ty)	100%

d) **Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:**

Thành viên độc lập HĐQT đã thực hiện chức năng giám sát và tổ chức thực hiện kiểm soát đối với việc quản lý điều hành công ty. Đánh giá của thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của thành viên HĐQT Công ty trong năm 2024 cụ thể như sau:

- HĐQT đã thường xuyên theo dõi, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT; giám sát các hoạt động của Tổng Giám đốc và bộ máy nhân sự.
 - HĐQT Công ty định kỳ hàng tháng/quý tổ chức các buổi họp cùng Ban Điều hành và/hoặc với đại diện các công ty con để nghe báo cáo đánh giá công tác sản xuất, kinh doanh, quản lý tài chính, nghiên cứu sản phẩm.... Từ đó, HĐQT đưa ra các ý kiến và biện pháp xử lý vấn đề phát sinh, nâng cao sản xuất, chiến lược kinh doanh, chiến lược sản phẩm... nhằm bảo toàn nguồn vốn góp của công ty mẹ, đảm bảo việc hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả tại DCL và các công ty con.
 - HĐQT duy trì đầy đủ các cuộc họp định kỳ theo quy định và các cuộc họp đột xuất theo yêu cầu công việc. Các cuộc họp của HĐQT được tổ chức theo đúng quy định; các nghị quyết, quyết định của HĐQT đều nhận được sự thống nhất cao của các thành viên HĐQT và sự đồng thuận rất lớn của người lao động trong toàn Công ty. Đây cũng chính là một trong những nguyên nhân quan trọng góp phần vào sự phát triển vững chắc của Công ty.
 - Các thành viên HĐQT là những người am hiểu các ngành nghề hoạt động và có nhiều kinh nghiệm nên đã đóng góp được nhiều ý kiến xác đáng, mang lại hiệu quả cao cho công tác quản lý Công ty. Bên cạnh đó, HĐQT đã luôn đồng hành cùng Ban điều hành trong việc xử lý các vấn đề khó khăn trong hoạt động của Công ty.
 - HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát theo dõi sát sao, nhằm đảm bảo an toàn hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty; đồng thời đảm bảo sự tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật và của Điều lệ Công ty.
 - Xét tổng quan, HĐQT Công ty đã thực hiện tốt nhiệm vụ của mình theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cũng như các quy định của pháp luật, hướng tới mục tiêu cao nhất là đem lại giá trị, lợi ích cho cổ đông
- e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có.

2. **Ban Kiểm soát**

a) **Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:**

STT	Họ tên	Chức vụ tại công ty	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu DCL cuối kỳ
1	Bà Nguyễn Thị Thu Hường	Trưởng BKS	0
2	Bà Phạm Thị Huê	TV BKS	0
3	Bà Phan Thị Hoà	TV BKS	0

b) Hoạt động của Ban kiểm soát (sau đây gọi “**BKS**”):

- BKS có tham dự một số cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban hàng tháng, hàng quý của công ty. BKS thực hiện giám sát công tác quản trị doanh nghiệp của HĐQT, Ban điều hành đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, điều lệ công ty và quy chế quản trị nội bộ của công ty. BKS giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024. Trong năm 2024, BKS đã tổ chức và họp thành công 02 cuộc họp để thảo luận và thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền như sau :

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự	Tỷ lệ biểu quyết
1	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	01/02	50%	Bổ nhiệm mới theo NQ ĐHĐCĐ TN 2024, ngày 25/4/2024	100%
2	Bà Lê Thị Thương	01/02	50%	Miễn nhiệm theo NQ ĐHĐCĐ TN 2024, ngày 25/4/2024	100%
3	Bà Phạm Thị Huệ	02/02	100%		100%
4	Bà Phan Thị Hòa	02/02	100%		100%

- BKS kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực trong quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán, báo cáo tài chính tháng, quý, năm; giám sát việc chấp hành các văn bản chính sách của nhà nước, quy trình quy chế và các quy định nội bộ của công ty; giám sát việc ban hành, sửa đổi, bổ sung quy trình, quy chế của công ty; giám sát hoạt động công bố thông tin kịp thời và đầy đủ theo quy định.
- BKS giám sát công tác quản lý sổ sách chứng từ liên quan đến cổ đông, đảm bảo các quyền lợi hợp pháp của cổ đông; đồng thời giám sát việc cổ đông được tham gia đóng góp ý kiến, chất vấn, yêu cầu cung cấp thông tin theo đúng quy định.
- Việc phối hợp giữa BKS với HĐQT, Ban TGD được thực hiện thường xuyên. BKS đã được HĐQT và Ban TGD tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ. Các phòng ban trong công ty đã tích cực phối hợp, cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu theo yêu cầu của BKS.
- Bên cạnh các hoạt động kiểm tra, giám sát, BKS còn thực hiện các công việc sau:
 - + Tham gia đóng góp ý kiến với HĐQT, Ban TGD trong công tác điều hành, trong thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty.
 - + Phân tích, đánh giá độc lập hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty; trên cơ sở đó đưa ra các ý kiến, khuyến nghị kịp thời, các biện pháp chấn chỉnh, khắc phục sai phạm, hạn chế rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
 - + Phối hợp bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện kiểm tra, kiểm soát định kỳ và đột xuất các hoạt động nghiệp vụ tại công ty.
 - + Hỗ trợ và cho ý kiến chuẩn hóa hệ thống báo cáo quản trị nội bộ, hệ thống quy trình, quy chế của công ty.
 - + Tham gia giám sát, phản biện các dự án đầu tư của công ty.
 - + Đóng góp ý kiến xây dựng, hoàn thiện kế hoạch kinh doanh 2025 và các mục tiêu hoạt động khác của Công Ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

ĐVT: đồng

TT	Họ và Tên	Chức danh	Thu nhập/ Thù lao 12 tháng/2024
1	Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch HĐQT	45.000.000
2	Ông Nguyễn Ngọc Bích	Thành viên HĐQT	16.000.000
3	Bà Nguyễn Ngọc Mai	Thành viên HĐQT	20.000.000
4	Bà Bùi Hồng Hạnh	Thành viên HĐQT	36.000.000
5	Ông Nguyễn Ninh Dũng	Thành viên HĐQT	36.000.000
6	Bà Tường Thị Thu Hạnh	Thành viên HĐQT	16.000.000
7	Ông Phạm Văn Ngọc	Thành viên HĐQT	20.000.000
8	Bà Nguyễn Thị Thu Hường	Trưởng BKS	15.000.000
9	Bà Phan Thị Hòa	Thành viên BKS	22.000.000
10	Bà Lê Thị Thương	Thành viên BKS	8.000.000
11	Bà Phạm Thị Huê	Thành viên BKS	18.000.000
12	Ông Lương Trọng Hải	Tổng Giám Đốc	429.002.000
13	Ông Nguyễn Văn Bản	Tổng Giám Đốc	11.188.889
14	Ông Nghiêm Xuân Trường	Phó Tổng giám đốc	836.559.629
15	Bà Trần Khiêm	Phó Tổng giám đốc	280.700.000
16	Ông Nguyễn Trọng Đức	Phó Tổng giám đốc	80.884.870
	Tổng		1.890.335.388

- b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: không phát sinh.
c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: không phát sinh.
d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty thực hiện đúng và đầy đủ các quy định theo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, nâng cao vai trò quản trị thông qua việc cập nhật các Nghị định, Thông tư, Hướng dẫn mới...

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của Chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C tại Hà Nội, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long và các công ty con tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính hợp nhất 2024 đã kiểm toán được đính kèm theo báo cáo này. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2024 đã kiểm toán được công bố trên cổng thông tin điện tử của HOSE và website công ty: <https://dcl.com.vn/report-category/thong-tin-co-dong/>.

Nơi nhận:

- Như kính gửi,
- Lưu: VT.

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**



Nguyễn Văn Bản

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM CỬU LONG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	13 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long (sau đây gọi tắt là “Công ty” hoặc “Công ty mẹ”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”).

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước – Công ty Dược và Vật tư y tế Cửu Long, theo quyết định số 2314/QĐ-UB ngày 09 tháng 8 năm 2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 1500202535 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 11 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp và thay đổi lần thứ 26 ngày 20 tháng 12 năm 2024 do thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán DCL.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
- Điện thoại : 0270.382.2533
- Fax : 0270.382.2129

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty mẹ là sản xuất thuốc, hóa chất và dược liệu; Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Ông Nguyễn Ninh Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Bùi Hồng Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Nguyễn Ngọc Mai	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Phạm Văn Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Bà Tường Thị Thu Hạnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Ngọc Bích	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thu Hường	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 5 năm 2024
Bà Phan Thị Hòa	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 02 tháng 5 năm 2024
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 5 năm 2024
Bà Phạm Thị Huệ	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Lê Thị Thương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024

Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Bản	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2024
Ông Lương Trọng Hải	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2024
Ông Nguyễn Trọng Đức	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2020
Ông Nghiêm Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2024
Bà Trần Khiêm	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2024
Bà Nguyễn Lâm Minh Thương	Giám đốc tài chính	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2024
	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2024
Bà Bùi Thị Mỹ Đăng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Sang – Chủ tịch Hội đồng quản trị (từ ngày 14 tháng 6 năm 2022), Ông Nguyễn Văn Bản - Tổng Giám đốc (từ ngày 01 tháng 8 năm 2024) và Ông Lương Trọng Hải - Tổng Giám đốc (đến ngày 31 tháng 7 năm 2024)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Nhóm Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Nhóm Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Bản

Ngày 19 tháng 3 năm 2025

Số: 2.0223/25/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC****CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỪU LONG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cừu Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi tắt là “Nhóm Công ty”), được lập ngày 19 tháng 3 năm 2025, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Vũ Minh Khôi – Thành viên Ban Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2897-2025-008-1
Người được ủy quyền
Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2025

Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 4028-2022-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.432.009.216.451	1.403.123.810.398
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	51.068.879.639	23.517.073.130
1. Tiền	111		51.068.879.639	23.517.073.130
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		214.795.000.000	204.149.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2	104.795.000.000	94.795.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	110.000.000.000	109.354.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		773.563.090.580	773.475.425.492
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	326.764.738.221	293.213.041.302
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	81.714.362.660	67.231.442.528
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	391.837.528.217	439.695.871.017
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(26.753.538.518)	(26.664.929.355)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	345.751.353.985	365.030.884.166
1. Hàng tồn kho	141		356.270.667.524	372.582.036.510
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(10.519.313.539)	(7.551.152.344)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		46.830.892.247	36.951.427.610
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	3.371.255.821	2.521.573.943
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		42.282.738.827	34.107.259.165
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	1.176.897.599	322.594.502
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		992.136.535.257	874.335.875.790
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.787.000.000	3.501.500.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	3.787.000.000	3.501.500.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		458.431.056.011	440.905.343.245
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	421.800.566.550	399.507.093.555
<i>Nguyên giá</i>	222		939.687.359.021	884.156.406.470
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(517.886.792.471)	(484.649.312.915)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	13.513.539.364	18.082.442.189
<i>Nguyên giá</i>	225		22.876.854.258	22.876.854.258
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(9.363.314.894)	(4.794.412.069)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	23.116.950.097	23.315.807.501
<i>Nguyên giá</i>	228		25.274.207.769	25.021.945.329
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.157.257.672)	(1.706.137.828)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	514.261.004.688	416.778.812.931
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		514.261.004.688	416.778.812.931
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		15.657.474.558	13.150.219.614
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	12.268.654.895	8.268.723.754
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.13	3.388.819.663	4.881.495.860
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.424.145.751.708	2.277.459.686.188

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		920.952.752.826	826.667.957.660
I. Nợ ngắn hạn	310		654.983.520.031	618.074.636.805
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	105.263.803.592	66.128.529.089
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	4.617.474.502	4.588.716.452
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	14.259.244.738	15.843.297.284
4. Phải trả người lao động	314		18.630.550.708	17.202.486.702
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	16.307.754.077	22.831.616.506
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	2.866.219.439	64.463.311.933
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	488.873.723.014	422.136.653.386
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	4.164.749.961	4.880.025.453
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		265.969.232.795	208.593.320.855
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	265.969.232.795	208.593.320.855
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.503.192.998.882	1.450.791.728.528
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	1.503.192.998.882	1.450.791.728.528
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		730.410.300.000	730.410.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		730.410.300.000	730.410.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		220.358.863.743	220.358.863.743
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		533.387.809.097	481.560.938.392
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		479.816.709.044	481.560.938.392
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		53.571.100.053	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		20.166.850	20.166.850
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		19.015.859.192	18.441.459.543
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.424.145.751.708	2.277.459.686.188

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 19 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc



Bùi Thị Mỹ Đang



Bùi Thị Mỹ Đang



Nguyễn Văn Bản

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.332.626.539.204	1.170.473.131.362
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		25.829.097.184	26.526.831.118
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.306.797.442.020	1.143.946.300.244
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.102.093.457.343	934.032.409.930
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		204.703.984.677	209.913.890.314
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	34.553.853.539	40.015.732.912
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	25.616.815.027	33.583.940.979
Trong đó: chi phí lãi vay	23		25.386.683.521	29.170.083.104
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	90.926.780.238	87.867.999.033
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	53.947.000.700	51.320.009.991
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		68.767.242.251	77.157.673.223
12. Thu nhập khác	31		490.402.302	1.029.588.506
13. Chi phí khác	32		480.842.296	76.571.439
14. Lợi nhuận khác	40		9.560.006	953.017.067
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		68.776.802.257	78.110.690.290
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	13.138.626.358	14.925.818.284
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		1.492.676.197	1.050.507.630
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		54.145.499.702	62.134.364.376
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		53.571.100.053	61.717.400.131
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		574.399.649	416.964.245
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	733	818
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	733	818

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 19 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc

Bùi Thị Mỹ Đang

Bùi Thị Mỹ Đang

Nguyễn Văn Bản

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	68.776.802.257	78.110.690.290
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02 V.9,10,11	38.257.502.225	38.278.183.559
- Các khoản dự phòng	03	3.056.770.358	3.793.953.288
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04 VI.4	15.900.063	(6.251.088)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.612.945.845)	(8.883.975.275)
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	25.386.683.521	29.170.083.104
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	129.880.712.579	140.462.683.878
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	8.661.529.710	(14.708.913.328)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	16.311.368.986	(55.032.599.157)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(27.074.391.157)	(1.478.576.466)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(4.849.613.019)	(3.232.966.551)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	(10.000.000.000)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(25.437.479.793)	(29.199.385.488)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.15	(14.963.899.617)	(12.576.402.749)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17 V.20	(2.715.275.492)	(1.703.430.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	69.812.952.197	22.530.410.039
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(172.849.667.642)	(222.873.559.023)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	370.636.365
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(110.000.000.000)	(98.699.945.205)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	109.354.000.000	143.045.977.625
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.113.443.580	9.150.926.395
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(166.382.224.062)	(169.005.963.843)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	1.199.477.086.102	973.671.615.366
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(1.052.000.707.269)	(844.212.595.166)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.19	(23.363.397.265)	(12.320.695.760)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		124.112.981.568	117.138.324.440
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		27.543.709.703	(29.337.229.364)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	23.517.073.130	52.851.714.658
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		8.096.806	2.587.836
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	51.068.879.639	23.517.073.130

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 19 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc



Bùi Thị Mỹ Đăng

Bùi Thị Mỹ Đăng

Nguyễn Văn Bản

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long (sau đây gọi tắt là “Công ty” hoặc “Công ty mẹ”) là Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất thuốc, hóa chất và dược liệu.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất thuốc, hóa chất và dược liệu.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty mẹ không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Nhóm Công ty

Nhóm Công ty bao gồm Công ty mẹ và 5 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty liên doanh Sản xuất kinh doanh XNK Dược phẩm và Trang thiết bị y tế	Số 11, đường Lanexang, bản Hatsady, quận Chanthabory, Lào	Giới thiệu thuốc	51%	51%	51%	51%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn	Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	Kinh doanh dược phẩm và dụng cụ y tế	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas	Số 276 Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh dược phẩm, capsule các loại	99,98%	99,93%	99,98%	99,93%
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas	Số 68Đ Tổ 05 Ấp Thanh Mỹ 1, xã Thanh Đức, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long	Sản xuất kinh doanh dụng cụ, trang thiết bị y tế	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Thuốc ung thư Benovas	Tầng 5, tòa nhà HACCI Complex tại lô 2.6, No đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Sản xuất thuốc, hóa liệu và dược liệu	84%	84%	84%	84%

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình hoạt động của các công ty con

- Công ty Liên doanh Sản xuất kinh doanh, Xuất nhập khẩu Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế đang tạm ngưng hoạt động từ năm 2013.
- Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn không phát sinh doanh thu trong năm. Hoạt động chính trong năm là đầu tư tài chính bao gồm đầu tư cổ phiếu các công ty chưa niêm yết, góp vốn, hợp đồng hợp tác đầu tư.
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.
- Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng nhà xưởng, chưa tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- Công ty Cổ phần Thuốc Ung thư Benovas không phát sinh doanh thu trong năm. Hoạt động chính trong năm đầu tư tài chính bao gồm đầu tư các cổ phiếu các công ty chưa niêm yết và hợp đồng hợp tác đầu tư.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, có 885 nhân viên đang làm việc tại Nhóm Công ty (số đầu năm là 930 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các Công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và Công ty con, giữa các Công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của Công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Nhóm Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Nhóm Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

4. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh của Nhóm Công ty là chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Đối với cổ phiếu không niêm yết, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của Công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Nhóm Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp đích danh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Nhóm Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Nhóm Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Nhóm Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, mức trích lập căn cứ cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Nhóm Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm, chi phí khác. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 40
Máy móc và thiết bị	02 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Nhóm Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Tài sản cố định thuê tài chính là máy móc thiết bị có thời gian khấu hao là 5 năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Nhóm Công ty bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Nhóm Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 7 - 10 năm.

Bản sắc thương hiệu

Bản sắc thương hiệu được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thẳng dư vốn cổ phần.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Nhóm Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Nhóm Công ty đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Nhóm Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Nhóm Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	77.894.196	166.972.007
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	50.990.985.443	23.350.101.123
Cộng	51.068.879.639	23.517.073.130

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hoa Sen Việt Nam	32.500.000.000	-	32.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Trí Việt	27.025.000.000	-	17.025.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Trống Đồng	34.770.000.000	-	34.770.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại SJ	5.250.000.000	-	5.250.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Đầu tư KVN Việt Nam	5.250.000.000	-	5.250.000.000	-
Cộng	104.795.000.000	-	94.795.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số lượng cổ phiếu và tỷ lệ nắm giữ của Nhóm Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hoa Sen Việt Nam	2.500.000	9,62%	2.500.000	9,62%
Công ty Cổ phần Đầu tư Trí Việt	2.135.000	7,12%	1.135.000	7,57%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Trống Đồng	2.318.000	19%	2.318.000	19%
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại SJ	500.000	10%	500.000	10%
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Đầu tư KVN Việt Nam	500.000	10%	500.000	10%

Đối với các chứng khoán chưa đăng ký giao dịch trên thị trường. Nhóm Công ty không đánh giá giá trị hợp lý và trích lập dự phòng do không có đủ thông tin.

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn ⁽ⁱ⁾	110.000.000.000	109.354.000.000

- ⁽ⁱ⁾ Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại, với lãi suất từ 4,2% đến 5,2%/năm.

Toàn bộ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn đang được cầm cố thế chấp đảm bảo cho nghĩa vụ vay ngân hàng (xem thuyết minh V.19).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	5.706.200.925	11.816.108.745
Bệnh viện Truyền máu Huyết học	2.395.200.000	15.572.439.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Sagophar	4.097.487.196	26.259.081.099
Công ty TNHH Dược phẩm và Thương mại Đức Hà	4.816.926.280	26.082.592.238
Công ty Cổ phần Dược phẩm Goldenlife	-	16.593.394.120
Các khách hàng khác	309.748.923.820	196.889.426.100
Cộng	326.764.738.221	293.213.041.302

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Confitech Cửu Long (*)	7.250.000.000	7.250.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hoa Sen Việt Nam	6.454.448.000	-
Công ty TNHH Cơ nhiệt Điện lạnh Bách Khoa	34.714.524.982	27.202.110.644
Trenwell Services LLC	16.339.862.500	5.885.000.000
Công ty TNHH Akums Drugs and Pharmaceuticals	-	2.509.226.940
Công ty Nitta Gelatin Inc	2.392.018.000	-
Các nhà cung cấp khác	14.563.509.178	24.385.104.944
Cộng	81.714.362.660	67.231.442.528

(*) Xem thuyết minh VII.4

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	48.998.044.926	-	46.855.845.754	-
<i>Phải thu các bên liên quan</i>				
Công ty Cổ phần đầu tư Bất				
Động Sản F.I.T – Hợp đồng	48.998.044.926	-	46.765.845.754	-
hợp tác đầu tư				
<i>Gốc</i>	44.600.000.000	-	45.100.000.000	-
<i>Lợi nhuận</i>	4.398.044.926	-	1.665.845.754	-
Ông Nguyễn Trọng Đức - Phó				
Tổng Giám đốc - Tạm ứng	-	-	40.000.000	-
Ông Lương Trọng Hải - Giám				
đốc điều hành - Tạm ứng	-	-	50.000.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	342.839.483.291	(5.095.308.636)	392.840.025.263	(5.067.557.725)
Công ty Cổ phần Đầu tư Trí				
Việt ⁽ⁱ⁾	97.709.604.106	-	96.190.453.423	-
<i>Gốc</i>	92.165.000.000	-	92.165.000.000	-
<i>Lợi nhuận</i>	5.544.604.106	-	4.025.453.423	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và				
Thương mại Trồng đồng ⁽ⁱ⁾	6.762.860.821	-	5.019.080.000	-
<i>Gốc</i>	6.540.000.000	-	4.840.000.000	-
<i>Lợi nhuận</i>	222.860.821	-	179.080.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và				
Thương mại Hoa Sen Việt	68.267.673.524	-	105.876.234.683	-
Nam ⁽ⁱ⁾				
<i>Gốc</i>	61.700.000.000	-	100.380.000.000	-
<i>Lợi nhuận</i>	6.567.673.524	-	5.496.234.683	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và				
Thương mại Phố Hiến Việt	149.252.956.010	-	164.229.366.420	-
Nam ⁽ⁱ⁾				
<i>Gốc</i>	139.070.000.000	-	159.420.000.000	-
<i>Lợi nhuận</i>	10.182.956.010	-	4.809.366.420	-
Phải thu về cổ phần hóa	5.600.000	-	5.600.000	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.476.149.443	-	3.976.647.178	-
Ký cược, ký quỹ	428.302.596	-	257.802.596	-
Tạm ứng	2.654.057.284	-	3.791.915.748	(689.833.740)
Thuế GTGT của tài sản thuế				
tài chính	7.531.505.244	-	6.368.458.176	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	7.750.774.263	(5.095.308.636)	7.124.467.039	(4.377.723.985)
Cộng	391.837.528.217	(5.095.308.636)	439.695.871.017	(5.067.557.725)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- ① Các hợp đồng hợp tác đầu tư có thời hạn hợp tác từ 6 tháng đến 12 tháng, để đầu tư các dự án bất động sản, tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất hình thành từ các dự án hợp tác đầu tư, Nhóm Công ty được hưởng lợi nhuận tối thiểu từ 5,0%-9,2%/năm (lợi nhuận tối thiểu năm trước 7,1%-9%/năm). Từ sau ngày kết thúc năm tài chính đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty đã thu hồi thêm gốc và lợi nhuận phát sinh liên quan đến số dư tại ngày 31/12/2024 của các Hợp đồng hợp tác đầu tư với số tiền lần lượt là 2.100.000.000 VND và 0 VND.

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

6. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu tiền bán hàng	30.451.632.795	(21.095.840.955)	24.571.053.622	(21.034.982.703)
Phải thu các khoản chi hộ	3.659.656.462	(3.659.656.462)	3.717.599.787	(3.717.599.787)
Phải thu tiền tạm ứng	-	-	631.890.415	(631.890.415)
Ứng trước cho người bán	562.388.927	(562.388.927)	562.388.927	(562.388.927)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.435.652.174	(1.435.652.174)	718.067.523	(718.067.523)
Cộng	36.109.330.358	(26.753.538.518)	30.201.000.274	(26.664.929.355)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	26.664.929.355	57.705.613.541
Trích lập dự phòng	3.816.470.642	3.685.975.758
Hoàn nhập dự phòng	(3.727.861.479)	(4.973.779.927)
Giảm khác (Xóa nợ)	-	(29.752.880.017)
Số cuối năm	26.753.538.518	26.664.929.355

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	29.242.530.353	-	15.964.044.637	-
Nguyên liệu, vật liệu	155.207.740.024	(3.988.871.018)	158.471.475.078	(2.232.934.713)
Công cụ, dụng cụ	11.077.312.119	-	11.024.248.117	-
Thành phẩm	126.882.871.431	(5.247.680.995)	141.394.542.679	(3.880.309.519)
Hàng hóa	33.860.213.597	(1.282.761.526)	45.727.725.999	(1.437.908.112)
Cộng	356.270.667.524	(10.519.313.539)	372.582.036.510	(7.551.152.344)

Hàng tồn kho bao gồm nguyên liệu, vật liệu, thành phẩm và hàng hóa, giá trị 226.668.112.365 VND, đã được thế chấp để đảm bảo cho nghĩa vụ vay ngân hàng (xem thuyết minh V.19).

Tình hình biến động dự phòng hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	7.551.152.344	5.163.486.958
Trích lập dự phòng bổ sung	2.968.161.195	5.081.757.457
Giảm khác (hủy hàng)	-	(2.694.092.071)
Số cuối năm	10.519.313.539	7.551.152.344

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Chi phí trả trước****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	1.538.333.971	1.433.153.991
Chi phí bảo hiểm	694.432.422	603.971.200
Chi phí phần mềm	895.061.277	313.640.831
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	243.428.151	170.807.921
Cộng	3.371.255.821	2.521.573.943

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	6.138.508.475	3.802.095.771
Các chi phí trả trước dài hạn khác	6.130.146.420	4.466.627.983
Cộng	12.268.654.895	8.268.723.754

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	181.452.137.329	660.418.916.375	39.800.699.995	2.484.652.771	884.156.406.470
Mua trong năm	-	-	1.019.726.000	-	1.019.726.000
Đầu tư XD CB hoàn thành	49.531.917.551	-	3.321.200.000	1.658.109.000	54.511.226.551
Số cuối năm	230.984.054.880	660.418.916.375	44.141.625.995	4.142.761.771	939.687.359.021
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	12.188.369.470	223.149.532.146	9.235.279.721	1.962.414.862	246.535.596.199
Chờ thanh lý	-	37.944.875.564	-	197.427.000	38.142.302.564
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	64.652.973.780	395.751.251.558	21.922.154.245	2.322.933.332	484.649.312.915
Khấu hao trong năm	7.159.098.267	22.823.838.193	3.186.181.824	68.361.272	33.237.479.556
Số cuối năm	71.812.072.047	418.575.089.751	25.108.336.069	2.391.294.604	517.886.792.471
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	116.799.163.549	264.667.664.817	17.878.545.750	161.719.439	399.507.093.555
Số cuối năm	159.171.982.833	241.843.826.624	19.033.289.926	1.751.467.167	421.800.566.550

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng		-	-	-	-
Đang chờ thanh lý		-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 260.049.030.924 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng (xem thuyết minh V.19)

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Là máy móc thiết bị. Chi tiết như sau

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	22.876.854.258	(4.794.412.069)	18.082.442.189
Khấu hao trong năm	-	(4.568.902.825)	(4.568.902.825)
Số cuối năm	22.876.854.258	(9.363.314.894)	13.513.539.364

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chi phí phần mềm	Bản sắc thương hiệu (*)	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	19.636.907.129	4.396.358.200	988.680.000	25.021.945.329
Mua sắm trong năm	-	252.262.440	-	252.262.440
Số cuối năm	19.636.907.129	4.648.620.640	988.680.000	25.274.207.769
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	569.916.700	-	569.916.700
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	36.489.517	1.293.400.101	376.248.210	1.706.137.828
Khấu hao trong năm	-	401.685.844	49.434.000	451.119.844
Số cuối năm	36.489.517	1.695.085.945	425.682.210	2.157.257.672
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	19.600.417.612	3.102.958.099	612.431.790	23.315.807.501
Số cuối năm	19.600.417.612	2.953.534.695	562.997.790	23.116.950.097

Trong đó:

Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

(*) Là bản sắc thương hiệu Dược Cửu Long hình thành từ 10/01/2016, thời gian khấu hao 20 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	1.088.504.119	252.262.440	(252.262.440)	(1.088.504.119)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	415.690.308.812	156.189.222.427	(54.511.226.551)	(3.107.300.000)	514.261.004.688
Công trình Nhà máy Vikimco ⁽ⁱ⁾	83.478.730.364	86.245.571.974	-	-	169.724.302.338
Chi phí đăng ký hồ sơ sản phẩm thuốc ung thư	4.790.945.000	-	-	-	4.790.945.000
Công trình Nhà máy tại Long An ⁽ⁱⁱ⁾	176.931.494.667	9.135.419.386	-	-	186.066.914.053
Dự án dây chuyền Capsule 5 ⁽ⁱⁱⁱ⁾	133.711.474.969	18.680.697.399	-	-	152.392.172.368
Dự án xây dựng Tổng kho và tòa nhà RD	16.777.663.812	40.840.862.739	(54.511.226.551)	(3.107.300.000)	-
Dự án khác	-	1.286.670.929	-	-	1.286.670.929
Cộng	416.778.812.931	156.441.484.867	(54.763.488.991)	(4.195.804.119)	514.261.004.688

(i) Công trình nhà máy Vikimco theo Giấy chứng nhận đầu tư số 2651067820 của Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Vĩnh Long ngày 12 tháng 8 năm 2020 mục đích để sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế với tổng vốn đầu tư 373,9 tỷ VND. Dự kiến thời hạn hoàn thành quý 01/2025.

(ii) Công trình nhà máy tại Long An theo Giấy chứng nhận đầu tư số 6037037488 của Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Long An ngày 30 tháng 6 năm 2022 mục đích để sản xuất thuốc, dược phẩm và vật tư y tế với tổng vốn đầu tư 1.035 tỷ VND.

Trong đó, quyền sử dụng đất tại KCN Hựu Thạnh, tỉnh Long An, với giá trị 161,7 tỷ VND, đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An (xem Thuyết minh V.19).

(iii) Dự án dây chuyền Capsule giai đoạn 5 với mục đích đầu tư mở rộng sản xuất viên nang rỗng, làm tăng công suất sản xuất cho nhà máy với tổng vốn đầu tư là 232,4 tỷ đồng. Tháng 01/2025, dự án đã được đưa vào sử dụng.

Tổng chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm là 23.942.766.633 VND (năm trước: 15.094.476.009 VND)

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (chi phí phải trả). Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.881.495.860	5.932.003.490
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(1.492.676.197)	(1.050.507.630)
Số cuối năm	3.388.819.663	4.881.495.860

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (năm trước thuế suất là 20%).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	47.797.472.646	6.852.833.498
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	11.292.093.055	6.846.219.493
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	36.505.379.591	-
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	-	6.614.005
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	57.466.330.946	59.275.695.591
Công ty Cổ phần Đầu tư WW	14.817.760.462	-
Công ty Nectar Lifesciences - Ấn Độ	9.790.632.180	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Phổ Hiến Việt Nam	5.470.745.553	-
Pharmascience INC	4.429.061.442	-
Shouguang Fukang Pharmaceutical Co., Ltd	3.285.858.600	-
Công ty TNHH Bao bì Đông Âu	1.203.523.812	3.688.573.863
Công ty Cổ phần Dược phẩm Amigo Việt Nam	-	18.882.804.845
Tổng Công ty Idico - CTCP	-	8.893.500.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học và Dược phẩm Bách Việt	-	5.222.495.518
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Bạch Đằng Hải Phòng	3.328.001.511	-
Các nhà cung cấp khác	15.140.747.386	22.588.321.365
Cộng	105.263.803.592	66.128.529.089

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Bano Food	-	286.174.873
Công ty Cổ phần Dược phẩm Sagophar	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Goldenlife	-	1.100.000.000
Công ty TNHH Dược phẩm Bắc Bình	1.552.379.400	-
Các khách hàng khác	1.565.095.102	1.702.541.579
Cộng	4.617.474.502	4.588.716.452

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**16a. Phải thu**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số đã bù trừ trong năm</u>	<u>Số phải thu trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	248.641.067	248.641.062	1.027.656.488	1.027.656.493
Thuế xuất, nhập khẩu	48.748.228	918.675.201	994.162.872	124.235.899
Thuế thu nhập cá nhân	25.205.207	200.000	-	25.005.207
Cộng	322.594.502	1.167.516.263	2.021.819.360	1.176.897.599

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16b. Phải nộp

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	668.306.764	1.393.713.397	1.232.067.416	829.952.745
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	22.541.631.223	22.541.631.223	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.907.838.638	13.138.626.358	14.963.899.617	13.082.565.379
Thuế thu nhập cá nhân	267.151.882	3.788.899.294	3.709.324.562	346.726.614
Thuế nhà đất	-	1.372.498.155	1.372.498.155	-
Các loại thuế khác	-	1.256.876.435	1.256.876.435	-
Cộng	15.843.297.284	43.492.244.862	45.076.297.408	14.259.244.738

Thuế giá trị gia tăng

Công ty và Công ty con nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thuế GTGT cho mặt hàng dược phẩm, dụng cụ y tế 5%
- Thuế GTGT cho mặt hàng khác 8 - 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%. Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty và Công ty con được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty và các công ty con kê khai và nộp theo quy định.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	8.638.356
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động Sản F.I.T - Chi phí lợi nhuận hợp tác kinh doanh	-	8.638.356
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	16.307.754.077	22.822.978.150
Chi phí lãi vay phải trả	569.014.285	619.810.557
Chi phí hỗ trợ bán hàng	11.056.833.968	16.468.320.003
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	4.681.905.824	5.734.847.590
Cộng	16.307.754.077	22.831.616.506

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỨU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**18. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>1.088.504.119</i>	<i>4.306.090.012</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T - Các khoản chi hộ	1.088.504.119	1.168.917.407
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	-	3.137.172.605
Gốc hợp tác đầu tư	-	3.000.000.000
Lợi nhuận hợp tác đầu tư	-	137.172.605
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>1.777.715.320</i>	<i>60.157.221.921</i>
Tài sản thừa chờ giải quyết	172.739.856	172.739.856
Kinh phí công đoàn	597.630.916	592.926.883
Phải trả về bản án sơ thẩm ⁽ⁱ⁾	-	58.431.883.500
Cổ tức phải trả	83.802.660	83.802.660
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	923.541.888	875.869.022
Cộng	<u>2.866.219.439</u>	<u>64.463.311.933</u>

- ⁽ⁱ⁾ Theo Bản án sơ thẩm số 482/2022/HSST ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội, do hành vi phạm tội của các cá nhân (là các cựu Lãnh đạo Công ty trong giai đoạn 2006-2008) làm thiệt hại cho Bộ Y tế 3.848.000 USD tương đương với 61.692.238.500 VND, trong đó, các cá nhân đã nộp tiền khắc phục 3.260.355.000 VND, Công ty Cổ phần Dược phẩm Cứu Long phải bồi thường cho Bộ Y tế số tiền 58.431.883.500 VND. Đến 31/12/2024 Công ty đã nộp đủ số tiền theo bản án.

19. Vay và nợ thuê tài chính**19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng (*)</i>	<i>394.064.014.870</i>	<i>349.732.285.742</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long.	77.041.198.112	44.822.032.431
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long	149.913.373.175	123.735.807.862
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Cần Thơ	70.835.140.456	99.071.998.935
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	96.274.303.127	82.102.446.514
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)</i>	<i>70.265.624.004</i>	<i>51.646.084.004</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long	22.000.000.000	18.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	39.425.000.004	30.425.000.004
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long	8.840.624.000	3.221.084.000
<i>Nợ thuê tài chính đến hạn trả - Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (xem thuyết minh số V.19b)</i>	<i>24.544.084.140</i>	<i>20.758.283.640</i>
Cộng	<u>488.873.723.014</u>	<u>422.136.653.386</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (*) Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Chi tiết như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Hạn mức</i>	<i>Thời hạn</i>	<i>Lãi suất(năm)</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long ⁽ⁱ⁾	100 tỷ VND	không quá 12 tháng	4,7%
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long ⁽ⁱⁱ⁾	150 tỷ VND	không quá 12 tháng	4,6%
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Cần Thơ ⁽ⁱⁱⁱ⁾	100 tỷ VND	không quá 12 tháng	5,1% -5,56%
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An ^(iv)	200 tỷ VND	không quá 12 tháng	4,8%

- (i) Tài sản thế chấp là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (Xem Thuyết minh V.2b).
- (ii) Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản bao gồm công trình xây dựng và máy móc thiết bị hình thành trong tương lai từ Dự án Capsule 3, máy móc thiết bị hình thành trong tương lai từ dự án đầu tư mở rộng Nhà máy Capsule giai đoạn 4, hàng tồn kho luân chuyển với giá trị 30 tỷ đồng và các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.
- (iii) Tài sản thế chấp là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn và hàng tồn kho.
- (iv) Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, hàng tồn kho và tài sản cố định hữu hình của Công ty.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Nợ thuê tài chính đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	349.732.285.742	51.646.084.004	20.758.283.640	422.136.653.386
Số tiền vay phát sinh	1.041.031.810.393	-	-	1.041.031.810.393
Kết chuyển từ vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	71.920.166.004	24.669.784.140	96.589.950.144
Số tiền vay đã trả	(996.700.081.265)	(53.300.626.004)	(20.883.983.640)	(1.070.884.690.909)
Số cuối năm	394.064.014.870	70.265.624.004	24.544.084.140	488.873.723.014

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	169.096.409.960	109.737.420.255
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long ⁽ⁱ⁾	30.264.825.167	52.264.825.167
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An ⁽ⁱⁱ⁾	112.309.717.642	44.588.259.324
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long ⁽ⁱⁱⁱ⁾	26.521.867.151	12.884.335.764
Nợ thuê tài chính - Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ^(iv)	96.872.822.835	98.855.900.600
Cộng	265.969.232.795	208.593.320.855

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long từ năm 2021 để đầu tư thực hiện Dự án "đầu tư Nhà máy sản xuất Capsule - Giai đoạn 4" tại số 21B, Phan Đình Phùng, Phường 8, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long; hạn mức là 140.000.000.000 VND, nhưng tối đa không vượt quá 70% tổng mức đầu tư của Dự án không bao gồm VAT, thời hạn vay tối đa là 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết ngày đáo hạn quy định tại văn bản nhận nợ. Lãi suất vay từ 7,3%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ tài sản bao gồm công trình xây dựng và máy móc thiết bị hình thành trong tương lai từ dự án Capsule 3.
- (ii) Bao gồm:
- Khoản vay của Công ty mẹ từ năm 2022 với mục đích thanh toán chi phí thuê đất của Tổng Công ty Idico tại KCN Hựu Thạnh, tỉnh Long An; hạn mức là 121.700.000.000 VND, thời hạn vay tối đa là 48 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Lãi suất vay 9,2%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của khu đất (xem thuyết minh V.10).
 - Khoản vay của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas (Công ty con) từ năm 2023, hạn mức cho vay là 281 tỷ đồng, nguồn vốn vay dùng để thanh toán các chi phí đầu tư hợp lý, hợp lệ, hợp pháp của Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất thiết bị y tế Benovas, với lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 1 tháng 1 lần. Thời hạn cho vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay 7% - 7,8%/năm. Thời hạn giải ngân tối đa đến ngày 30 tháng 06 năm 2025. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay là nhà máy Vikimeco (xem thuyết minh V.12).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long từ năm 2023 để đầu tư dự án "Xây dựng kho Dược phẩm và Tòa nhà R&D đạt tiêu chuẩn GSP, GLP"; hạn mức là 59.000.000.000 VND, thời hạn vay tối đa 60 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu. Lãi suất vay 7,8%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng Quyền sử dụng đất ở Khóm 6, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long và các tài sản hình thành trong tương lai của dự án này.
- (iv) Thuê tài chính Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo các hợp đồng từ năm 2022 và 2023 để thuê các máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất viên nang, xe ô tô tải đông lạnh và hệ thống HVAC cho nhà máy Capsule - Giai đoạn 5. Thời hạn thuê từ 05 đến 07 năm, lãi suất từ 9,5% đến 11%/năm.

Trong đó, dây chuyền sản xuất viên nang và hệ thống HVAC cho nhà máy Capsule - Giai đoạn 5 có giá trị hợp đồng thuê tài chính lần lượt là 138.270.000.000 VND và 35.032.904.500 VND, đã

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

được giải ngân để ứng trước cho Công ty nhưng chưa hình thành tài sản, do đó, chưa được ghi nhận tài sản thuê tài chính tại ngày kết thúc niên độ.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	94.809.708.144	72.404.367.644
Trên 1 năm đến 5 năm	259.533.828.920	208.593.320.855
Trên 5 năm	6.435.403.875	-
Cộng	360.778.940.939	280.997.688.499

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Tiền gốc phải trả	24.544.084.140	90.437.418.960	6.435.403.875	121.416.906.975
Lãi thuê phải trả	10.479.546.246	19.262.617.901	221.730.399	29.963.894.546
Nợ thuê tài chính phải trả	35.023.630.386	109.700.036.861	6.657.134.274	151.380.801.521
Số đầu năm				
Tiền gốc phải trả	20.758.283.640	98.855.900.600	-	119.614.184.240
Lãi thuê phải trả	10.967.457.576	24.356.977.567	-	35.324.435.143
Nợ thuê tài chính phải trả	31.725.741.216	123.212.878.167	-	154.938.619.383

Chi tiết phát sinh của khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Vay dài hạn ngân hàng	Nợ thuê tài chính	Cộng
Số đầu năm	109.737.420.255	98.855.900.600	208.593.320.855
Số tiền vay phát sinh	133.279.155.709	25.166.120.000	158.445.275.709
Số tiền vay đã trả	(2.000.000.000)	(2.479.413.625)	(4.479.413.625)
Kết chuyển sang vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	(71.920.166.004)	(24.669.784.140)	(96.589.950.144)
Số cuối năm	169.096.409.960	96.872.822.835	265.969.232.795

19c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Nhóm Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.880.025.453	3.583.455.553
Tăng do trích lập	2.000.000.000	3.000.000.000
Chi quỹ	(2.715.275.492)	(1.703.130.100)
Số cuối năm	4.164.749.961	4.880.025.453

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	730.410.300.000	220.358.863.743	422.843.538.261	20.166.850	18.024.495.298	1.391.657.364.152
Lợi nhuận năm trước	-	-	61.717.400.131	-	416.964.245	62.134.364.376
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(3.000.000.000)	-	-	(3.000.000.000)
Số dư cuối năm trước	730.410.300.000	220.358.863.743	481.560.938.392	20.166.850	18.441.459.543	1.450.791.728.528
Số dư đầu năm nay	730.410.300.000	220.358.863.743	481.560.938.392	20.166.850	18.441.459.543	1.450.791.728.528
Lợi nhuận năm nay	-	-	53.571.100.053	-	574.399.649	54.145.499.702
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(2.000.000.000)	-	-	(2.000.000.000)
Tăng khác (*)			255.770.652	-	-	255.770.652
Số dư cuối năm nay	730.410.300.000	220.358.863.743	533.387.809.097	20.166.850	19.015.859.192	1.503.192.998.882

(*) Là khoản chênh lệch tiền phải trả Bộ Y tế theo bản án sơ thẩm và phúc thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	424.026.160.000	424.026.160.000
Các cổ đông khác	306.384.140.000	306.384.140.000
Cộng	730.410.300.000	730.410.300.000

21c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	73.041.030	73.041.030
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	73.041.030	73.041.030
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	73.041.030	73.041.030
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

21d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024 như sau:

	VND
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.000.000.000

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

22a. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	8975,76	6.882,54

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**22b. Nợ khó đòi đã xử lý từ thời điểm 01/01/2023 đến thời điểm 31/12/2024**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 và Tờ trình số 07/2023/TT-ĐHĐCĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023, Công ty đã tiến hành xóa nợ cho một số đối tượng công nợ lâu ngày khó đòi đã không còn khả năng thu hồi phát sinh từ năm 2015.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Dược phẩm Thiên Sơn	16.428.897.499	16.428.897.499
Công ty TNHH Dược phẩm Hải Tâm	4.975.554.629	4.975.554.629
Medical Supply Pharm Enterprise (Cambodia)	3.416.271.572	3.416.271.572
Drug Sivilay Import Export Co. (Lào)	1.310.050.560	1.310.050.560
Các đối tượng khác	3.622.105.757	3.622.105.757
Cộng	29.752.880.017	29.752.880.017

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	572.035.523.132	384.601.488.261
Doanh thu bán thành phẩm	760.591.016.072	785.871.643.101
Cộng	1.332.626.539.204	1.170.473.131.362

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	21.316.318.365	21.383.730.463
Hàng bán bị trả lại	4.508.901.675	4.944.608.847
Giảm giá hàng bán	3.877.144	198.491.808
Cộng	25.829.097.184	26.526.831.118

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	540.724.008.211	354.388.431.956
Giá vốn của thành phẩm đã bán	558.401.287.937	574.562.220.517
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.968.161.195	5.081.757.457
Cộng	1.102.093.457.343	934.032.409.930

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.612.945.845	8.513.338.910
Lợi nhuận từ các hợp đồng hợp tác đầu tư	28.666.177.655	31.153.888.974
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	274.730.039	342.253.940
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	6.251.088
Cộng	34.553.853.539	40.015.732.912

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	25.386.683.521	29.170.083.104
Chi phí các hợp đồng hợp tác đầu tư	107.775.340	1.360.376.028
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	106.456.103	3.053.481.847
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	15.900.063	-
Cộng	25.616.815.027	33.583.940.979

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	37.990.611.442	39.828.419.333
Chi phí vật liệu, bao bì	433.753.903	381.916.545
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.115.491.030	1.783.319.055
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.358.707.104	43.277.642.822
Chi phí hỗ trợ bán hàng	22.111.366.792	7.260.301.559
Chi phí vận chuyển	13.357.548.993	11.372.337.016
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	11.889.791.319	24.645.004.247
Các chi phí khác	3.028.216.759	2.596.701.278
Cộng	90.926.780.238	87.867.999.033

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	25.896.969.794	25.189.326.312
Chi phí vật liệu quản lý	1.648.908.275	364.731.219
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.491.854.188	2.580.397.104
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	88.609.162	(1.287.804.169)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.885.419.443	21.480.401.465
Các chi phí khác	1.935.239.838	2.992.958.060
Cộng	53.947.000.700	51.320.009.991

8. Lãi trên cổ phiếu**8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	53.571.100.053	61.717.400.131
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(2.000.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	53.571.100.053	59.717.400.131
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	73.041.030	73.041.030
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	733	818

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán, giảm từ 845 VND xuống còn 818 VND do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	610.457.521.152	627.515.091.970
Chi phí nhân công	120.461.680.790	125.358.231.549
Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.257.502.225	38.278.183.559
Chi phí dịch vụ mua ngoài	107.650.666.794	113.483.067.196
Chi phí khác	26.688.243.906	8.988.670.338
Cộng	903.515.614.867	913.623.244.612

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Nhóm Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Nhóm Công ty không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được thuyết minh ở V.5a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay				
Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch HĐQT	-	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Bích	Thành viên HĐQT (đến 25/4/2024)	-	16.000.000	16.000.000
Ông Nguyễn Ninh Dũng	Thành viên HĐQT	-	48.000.000	48.000.000
Bà Bùi Hồng Hạnh	Thành viên HĐQT	-	48.000.000	48.000.000
Bà Trương Thị Thu Hạnh	Thành viên HĐQT	-	16.000.000	16.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

		Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
	(đến 25/4/2024)			
Bà Nguyễn Ngọc Mai	Thành viên HĐQT (từ 25/4/2024)	-	32.000.000	32.000.000
Ông Phạm Văn Ngọc	Thành viên HĐQT (từ 25/4/2024)	-	32.000.000	32.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hường	Trưởng BKS (từ 02/5/2024)	-	24.000.000	24.000.000
Bà Phan Thị Hòa	Trưởng BKS (đến 02/5/2024)/Thành viên BKS (từ 02/5/2024)	-	28.000.000	28.000.000
Bà Phạm Thị Huệ	Thành viên BKS	-	24.000.000	24.000.000
Bà Lê Thị Thương	Thành viên BKS (đến 02/5/2024)	-	8.000.000	8.000.000
Ông Nguyễn Văn Bản	Tổng Giám đốc (từ 01/8/2024)	21.744.445	-	21.744.445
Ông Lương Trọng Hải	Tổng Giám đốc (đến 01/8/2024)	493.288.000	-	493.288.000
Ông Nghiêm Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc (đến 29/11/2024)	1.130.270.382	-	1.130.270.382
Ông Nguyễn Trọng Đức	Phó Tổng Giám đốc	109.551.341	-	109.551.341
Bà Trần Khiêm	Phó Tổng Giám đốc (đến 01/7/2024)	330.450.000	-	330.450.000
Cộng		2.085.304.168	336.000.000	2.421.304.168
Năm trước				
Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch HĐQT	-	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Bích	Thành viên HĐQT	-	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Ninh Dũng	Thành viên HĐQT	-	48.000.000	48.000.000
Bà Bùi Hồng Hạnh	Thành viên HĐQT	-	48.000.000	48.000.000
Bà Trương Thị Thu Hạnh	Thành viên HĐQT	-	48.000.000	48.000.000
Bà Phan Thị Hòa	Trưởng BKS	-	36.000.000	36.000.000
Bà Phạm Thị Huệ	Thành viên BKS	-	24.000.000	24.000.000
Bà Lê Thị Thương	Thành viên BKS	-	24.000.000	24.000.000
Ông Lương Trọng Hải	Tổng Giám đốc	796.826.918	-	796.826.918
Ông Nghiêm Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc	962.150.747	-	962.150.747
Ông Nguyễn Trọng Đức	Phó Tổng Giám đốc	128.574.582	-	128.574.582
Bà Trần Khiêm	Phó Tổng Giám đốc	310.302.688	-	310.302.688
Cộng		2.197.854.935	336.000.000	2.533.854.935

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Nhóm Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	Công ty mẹ
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Hạt giống TSC	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần FIT Consumer	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Nông Tín	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Westfood Hậu Giang	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	Bên liên quan của Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Mũi Dinh Ecopark	Bên liên quan của thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Today Cosmetics	Bên liên quan của Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Dũng Tâm	Bên liên quan của thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco	Bên liên quan của Tổng Giám đốc

Giao dịch với các bên liên quan khác

Nhóm Công ty phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T		
Sử dụng dịch vụ cho thuê văn phòng và phí tư vấn	11.087.271.138	11.104.646.874
Mua tài sản cố định từ bên liên quan	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	-	-
Mua hàng từ bên liên quan	267.248.118	202.676.310
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T	-	-
Chuyển tiền hợp tác đầu tư cho bên liên quan	-	58.900.000.000
Thu hồi gốc hợp đồng hợp tác đầu tư cho bên liên quan	500.000.000	13.800.000.000
Lợi nhuận hợp đồng hợp tác đầu tư phải thu bên liên quan	2.732.199.172	1.665.845.754
Hoàn trả gốc hợp đồng hợp tác đầu tư cho bên liên quan	-	9.925.000.000
Lợi nhuận hợp đồng hợp tác đầu tư phải trả bên liên quan	-	119.800.685
Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây	-	-
Mua hàng từ bên liên quan	-	192.042.500
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	-	-
Mua hàng từ bên liên quan	148.027.476.988	-
Trả tiền hợp tác đầu tư	3.000.000.000	22.000.000.000
Lợi nhuận phải trả từ hợp đồng hợp tác đầu tư	107.775.340	1.240.575.344

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Thu hồi gốc hợp đồng hợp tác đầu tư	-	8.700.000.000
Lợi nhuận phải thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư	-	106.538.903
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco	-	-
Mua hàng từ bên liên quan	110.221.873.266	238.512.039.365
Doanh thu từ bán hàng cho bên liên quan	10.724.016.500	16.762.581.000

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thị trường.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.5, V.14, V.17 và V.18.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm, được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về hàng hóa/dịch vụ mà Nhóm Công ty cung cấp hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định Nhóm Công ty chỉ có 01 bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và 01 bộ phận theo khu vực địa lý và Nhóm Công ty không cần phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Thông tin khác

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas (Công ty con) là bị đơn đang có kiện tụng với Công ty Cổ phần CONFITECH Cửu Long (nguyên đơn). Theo biên bản hòa giải của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long thì bên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán các hạng mục công trình đã thi công với số tiền 4.666.770.659 VND, bị đơn đã thực hiện thanh toán cho nguyên đơn theo hòa giải. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính thì vẫn còn tranh chấp khoản tạm ứng 10% hợp đồng với số tiền 7.250.000.000 VND (xem thuyết minh V.4).

Lập, ngày 19 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Bùi Thị Mỹ Đang

Bùi Thị Mỹ Đang

Nguyễn Văn Bản